

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ ĐÌNH TÙNG

**ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM
HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ
THỰC TIỄN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ ĐÌNH TÙNG

**ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM
HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ
THỰC TIỄN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS.TS. HỒ TRỌNG NGŨ

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình do tôi tự nghiên cứu; các số liệu trong Luận văn có cơ sở rõ ràng và trung thực. Kết luận của luận văn chưa từng được công bố trong các công trình khác.

Tác giả luận văn

Lê Đình Tùng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	7
1.2. Phân loại các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	17
1.3. Ý nghĩa và vai trò của việc áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	22
1.4. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015.....	24
Chương 2: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2015 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TẠI THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2013-2017.....	33
2.1. Những quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015	33
2.2. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2017.....	52
Chương 3: GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNGTRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TẠI THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC	66
3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.....	66
3.2. Tổng kết thực tiễn và hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.....	68

3.3. Nâng cao khả năng, năng lực xét xử hình sự của Thẩm phán, Hội thẩm	69
3.4. Các giải pháp khác.....	69
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCA	: Bộ Công an
BCT	: Bộ Chính trị
BTP	: Bộ Tư pháp
BLDS	: Bộ luật dân sự
BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
HĐXX	: Hội đồng xét xử
HTND	: Hội thẩm nhân dân
TTHS	: Pháp luật tố tụng hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TTHS	: Tố tụng hình sự
VAHS	: Vụ án hình sự
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. kết quả thụ lý, xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (2013 – 2017)	53
Bảng 2.2. kết quả áp dụng các tình tiết tăng nặng tnhs tại TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2017	55
Bảng 2.3. kết quả áp dụng các tình tiết tăng nặng tnhs tại TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2017	55

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Như đã biết Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, thì quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quyền tư pháp là “quyền xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, kinh tế, lao động, hành chính” [52, tr. 657]. Thực hiện tốt quyền tư pháp có ý nghĩa rất quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Trong hệ thống các cơ quan tư pháp Việt Nam, Tòa án được xác định là cơ quan trung tâm và việc nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của Tòa án được coi là khâu đột phá của quá trình cải cách tư pháp. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02.6.2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 khẳng định “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”. Để thực hiện mục tiêu đó cần có sự tác động tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó, công tác trọng tâm là nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân các cấp.

Trong thời gian qua, công tác xét xử của Tòa án các cấp có những chuyển biến tích cực. Về cơ bản, ngành (Hệ thống) TAND đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, chất lượng hoạt động xét xử đã được nâng lên một bước, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của toàn hệ thống Tòa án, TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đã thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định của pháp luật, đặc biệt là trong xét xử các VAHS. Tòa án nhân dân thị xã Bình Long đã căn cứ các quy định của BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn có liên quan để tiến hành giải quyết các vụ án, góp phần quan trọng trong việc hiện thực hóa các quy định pháp luật hình sự, đảm bảo tính nghiêm minh, nhân đạo, khoan hồng của Đảng, Nhà nước, phân hóa tội phạm để xử lý đúng người, đúng tội, từ đó góp phần nâng cao chất lượng thực hiện quyền tư pháp của

Tòa án. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, chủ yếu là hạn chế trong áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khi xét xử các VAHS dẫn đến tình trạng chưa xác định hết hoặc bỏ sót các tình tiết tăng nặng TNHS hoặc là áp dụng sai tình tiết tăng nặng TNHS gây bất lợi cho bị cáo; có một số vụ án đã bị sửa, bị hủy ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của công dân và uy tín của Tòa án. Bên cạnh đó, yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay đặt ra ngày càng cao, đòi hỏi cần phải làm rõ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan. Đặc biệt là những vấn đề lý luận và thực trạng về áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong xét xử các VAHS để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử của Tòa án.

Trước đây đã có một số công trình nghiên cứu về vấn đề áp dụng pháp luật nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cơ bản và toàn diện về áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong xét xử các VAHS của TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Vì thế, trên nền kiến thức cơ bản được trang bị tại Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện khoa học xã hội, kết hợp với thực tiễn lãnh đạo và trực tiếp xét xử các VAHS xảy ra trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, học viên chọn đề tài: “***Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước***” làm luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử hình sự đã được một số nhà khoa học, cán bộ thực tiễn thực hiện và được công bố trong các công trình khoa học như sau:

- Luận án tiến sĩ Luật học của tác giả Dương Tuyết Miên (2003): Quyết định hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam, trường Đại Học Luật Hà Nội [20].
- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Trần Văn Sơn (1996), Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, trường Đại học Luật Hà Nội [34].
- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Bùi Văn Lam (2002), Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam, trường Đại học Luật Hà Nội [16].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Phạm Quốc Hưng (2009), Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, trường Đại học Luật Hà Nội [15].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Trần Mạnh Toàn (2011): "Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội", trường Đại học Quốc gia Hà Nội [45].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Đặng Trung Thành (2014): Áp dụng pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong xét xử của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội", Viện Nhà nước và Pháp luật, trường Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [37].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Trần Thị Thùy Trang (2015): Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Việt Nam theo Luật hình sự (Trên cơ sở số liệu thực tiễn tỉnh Đắk Lắk", Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội [48].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Lưu Đình Tuấn (2016): Áp dụng các tình tiết tăng nặng sự trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn quận Long Biên, thành phố Hà Nội", Viện Hàn lâm, Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện khoa học xã hội [47].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Thủy Sơn Phương (2016): Các tình tiết tăng nặng theo pháp luật sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Gia Lai", Viện Hàn lâm, Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện khoa học xã hội [24].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Văn Long (2017): Tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo pháp luật sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội", Viện Hàn lâm, Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện khoa học xã hội [17].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Đặng Thị Tâm (2017): Các tình tiết tăng nặng theo pháp luật sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng", Viện Hàn lâm, Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện khoa học xã hội [36].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Hoàng Thanh Dũng (2017): Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước", Viện Hàn lâm, Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện khoa học xã hội [9].

- Luận văn thạc sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Thị Lệ Hằng (2017): Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng”, Viện Hàn lâm, Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện khoa học xã hội [12].

Tuy nhiên hiện tại, chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu về thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS trên một địa bàn cụ thể là thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Như vậy, việc nghiên cứu đề tài “**Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước**” không trùng lặp với các công trình đã nghiên cứu trước đây và là một nghiên cứu mới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; những vướng mắc, bất cập và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS trên địa bàn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật cơ bản về tăng nặng TNHS theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước trong thời gian qua, so sánh, đối chiếu để làm rõ những bất cập, vướng mắc và nguyên nhân.

- Trên cơ sở phân tích những thiếu sót, bất cập và vướng mắc trong thực tiễn xét xử, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của BLHS cũng như hướng dẫn áp dụng và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định về tăng nặng TNHS của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS dưới góc độ hình sự. Trong quá trình nghiên cứu học viên sẽ đề cập đến sự hình thành và phát triển của quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS nhưng chỉ để làm sáng tỏ vấn đề chứ không đi sâu các quy định đó; Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu quy định các tình tiết tăng nặng TNHS từ khi có BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và đặc biệt là BLHS năm 2015. Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS dưới góc độ luật hình sự của TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước trong giai đoạn 2013 - 2017.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong luận văn đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: khảo sát thực tiễn, phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, nghiên cứu điển hình v.v... để lý giải các vấn đề lý luận, đánh giá các quy định của pháp luật cũng như các vấn đề thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận văn

Luận văn đã góp phần làm sáng tỏ thêm khái niệm, bản chất pháp lý và các đặc điểm cơ bản của áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nội dung và điều kiện áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trên cơ sở xem xét những quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời đưa ra các kiến nghị hoàn thiện các quy phạm của chế định này ở khía cạnh lập pháp và việc áp dụng chúng trong thực tiễn.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Với việc đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng những tình tiết tăng nặng TNHS, học viên hy vọng kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng xét xử các vụ án hình sự ở TAND thị xã Bình

Long, tỉnh Bình Phước và góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Đồng thời, luận văn cũng có thể là tài liệu tham khảo của những người làm công tác thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt nói chung và quyết định các tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn cấu trúc thành 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam

Chương 2: Những quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 và thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2013 - 2017

Chương 3: Giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

Chương 1

NHỮNG CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

1.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật và áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

1.1.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo một trình tự nhất định dưới các hình thức nhất định nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Có nhiều hình thức thực hiện pháp luật khác nhau, căn cứ vào tính chất của hoạt động thực hiện pháp luật, khoa học pháp lý phân chia thực hiện pháp luật thành bốn hình thức là tuân thủ pháp luật; chấp hành pháp luật; sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Trong phạm vi nội dung nghiên cứu của luận văn, tác giả chỉ đề cập nghiên cứu hình thức áp dụng pháp luật. Thực tế hiện nay còn có nhiều quan điểm khác nhau về áp dụng pháp luật. Có quan điểm cho rằng áp dụng pháp luật là khái niệm bao trùm trong đó có các hình thức thực hiện pháp luật. Theo quan điểm này thì áp dụng pháp luật được thực hiện thông qua tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật. Học viên nhất trí với đa số các nhà khoa học pháp lý hiện nay khi quan niệm: Áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức quyền lực Nhà nước, được thực hiện thông qua những cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc các tổ chức xã hội khi được Nhà nước ủy quyền, nhằm cá biệt hóa những quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với cá nhân, tổ chức cụ thể.

Như vậy, có thể hiểu: *Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các quy định pháp luật để ban hành các quyết định cá biệt làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt một quan hệ pháp luật cụ thể.*

Áp dụng pháp luật vừa là một hình thức thực hiện pháp luật diễn ra trong hoạt động thực hiện quyền hành pháp và thực hiện quyền tư pháp của Nhà nước.

Đây là hoạt động thực hiện pháp luật của cơ quan Nhà nước, là đảm bảo của Nhà nước cho các quy phạm pháp luật được thực hiện có hiệu quả trong đời sống xã hội.

1.1.1.2. Khái niệm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015 quy định: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự”*. [31].

Theo Luật hình sự Việt Nam, hành vi bị coi là tội phạm được phân biệt với hành vi không phải là tội phạm qua 4 dấu hiệu, đó là: Tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt. Về mặt cấu trúc, tội phạm có đặc điểm chung là đều hợp thành bởi những yếu tố nhất định, tồn tại không tách rời nhau, những yếu tố đó là: Khách thể, chủ thể, mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm. Như vậy, tất cả các tội phạm đều phải thỏa mãn đầy đủ 4 yếu tố cấu thành tội phạm kể trên.

Qua nghiên cứu cho thấy các tình tiết tăng nặng TNHS bao gồm: Những tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là hành vi và nhân thân người phạm tội là những tình tiết làm tăng tính nguy hiểm của nhân thân người phạm tội, do đó, người phạm tội phải chịu TNHS nặng hơn. Để đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật hình sự các nhà làm luật đã nhận thức và quy định trong BLHS. Để phát huy hiệu quả các quy định của pháp luật đòi hỏi các chủ thể áp dụng pháp luật phải nhận biết được tình tiết tăng nặng TNHS là tình tiết làm cho TNHS đối với người phạm tội trong từng trường hợp phạm tội cụ thể cao hơn, thể hiện ở ba mức độ khác nhau: Định tội danh nặng hơn; khung hình phạt cao hơn và bị xử lý mức hình phạt nặng hơn. Tội danh nặng hơn được hiểu là khác với tội danh cơ bản tội danh dạng đặc biệt tức là cấu thành tội phạm của tội danh nặng hơn là một dạng đặc biệt của cấu thành tội phạm cơ bản mà không có tình tiết này thì hành vi đã cấu

thành tội phạm cơ bản. Do đó, một tội phạm thoả mãn cấu thành tội phạm nặng hơn thì coi như mặc nhiên nó đủ yếu tố cấu thành tội phạm cơ bản (nhẹ hơn). Hay nói cách khác, cấu thành tội phạm thuộc tội danh nặng hơn chính là tội phạm tăng nặng TNHS định tội. Việc quy định thành các tội như vậy là vì nhà làm luật cho rằng giữa các trường hợp đó có sự khác nhau về tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Như vậy, để hành vi cấu thành tội danh riêng nặng hơn, hành vi đó phải bao gồm các yếu tố cấu thành tội phạm chung, tức là nếu không có tình tiết tăng nặng TNHS định tội hành vi cũng đã cấu thành một tội phạm và người phạm tội phải chịu TNHS. Tình tiết tăng nặng chỉ làm cho TNHS nặng hơn theo một tội có chế tài nặng hơn. Mức hình phạt cao hơn ở đây là mức hình phạt cao hơn của một loại hình phạt hoặc loại hình phạt nặng hơn trong một khung hình phạt của một tội phạm cụ thể. Khung hình phạt cao hơn được hiểu là khung hình phạt cao hơn trong việc định tội được quy định ở một điều luật. Tùy từng trường hợp nhà làm luật quy định khung hình phạt cao hơn trước hoặc sau. Nhưng chỉ những tội quy định cấu thành tội phạm cơ bản có khung hình phạt thấp nhất thì mới có khung hình phạt nặng hơn, mỗi tội có thể có một hoặc nhiều khung hình phạt tăng nặng.

Để đảm bảo yêu cầu phân hóa TNHS tương ứng với các mức tăng nặng TNHS dựa trên mức độ làm tăng tính nguy hiểm cho Xã hội của từng tình tiết đối với từng tội phạm nhiều hay ít, BLHS quy định ba loại tình tiết tăng nặng TNHS đó là: Tình tiết tăng nặng TNHS định tội, tình tiết tăng nặng TNHS định khung tình tiết tăng nặng chung.

Lựa chọn hình phạt phù hợp cho các trường hợp phạm tội cụ thể là quá trình hoạt động phức tạp, đòi hỏi phải xem xét một cách toàn diện trong sự cân nhắc các tình tiết khác cũng có ý nghĩa ảnh hưởng đến tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Điều 50 BLHS năm 2015 quy định: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS”* [31].

Như vậy, luật quy định các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ cần thiết để Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt. Do đó, việc nghiên cứu vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội có ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn và pháp lý trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết VAHS, đồng thời thể hiện rõ nội dung phương châm “*ng nghiêm trị kết hợp với khoan hồng*”, “*trừng trị kết hợp với giáo dục*” trong chính sách hình sự của Nhà nước ta, cũng như bảo đảm thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân hóa TNHS và cá thể hóa và hình phạt đối với người phạm tội. Trong quá trình quyết định hình phạt đối với người phạm tội, việc nhận thức thống nhất về vai trò của các tình tiết tăng nặng TNHS để xem xét, cân nhắc và áp dụng chính xác các tình tiết này trong thực tiễn là nhiệm vụ rất quan trọng của các Tòa án ở nước ta hiện nay. Do đó, trước khi đi vào phân tích vai trò của các tình tiết này trong việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội, chúng ta cần phải đưa ra định nghĩa của khái niệm “*tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*” là gì. Hiện nay, trong pháp luật hình sự thực định (BLHS năm 2015) nhà làm luật nước ta không ghi nhận định nghĩa pháp lý của khái niệm này, đồng thời trong khoa học luật hình sự Việt Nam cũng còn nhiều quan điểm khác nhau xung quanh nó, mà cụ thể là:

- Theo tác giả Nguyễn Ngọc Hòa “*Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tình tiết làm cho mức độ nguy hiểm của trường hợp phạm tội cụ thể của một loại tội phạm tăng lên so với trường hợp bình thường và do đó được coi là căn cứ để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với trường hợp phạm tội đó*”[13, tr.116].

- Khác với cách nhìn đó tác giả Kiều Đình Thụ viết “*Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ảnh hưởng tới mức độ nguy hiểm của một tội phạm trong các trường hợp cụ thể khác nhau và có ý nghĩa khi quyết định hình phạt vì chúng... làm tăng lên mức hình phạt cần áp dụng với tội phạm đã thực hiện trong giới hạn khung hình phạt mà luật quy định với tội phạm đó*”[38, tr. 233].

- Tác giả Đinh Văn Quế lại cho rằng “*Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết trong một vụ án cụ thể làm tăng mức độ nghiêm trọng của*

hành vi phạm tội và người phạm tội phải chịu một hình phạt nghiêm khắc hơn trong một khung hình phạt”[27, tr.12].

Còn nhiều quan điểm khác:

- *“Những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết làm cho một hành vi phạm tội hoặc người phạm tội tăng lên mức độ nguy hiểm cho xã hội để từ đó cần áp dụng hình phạt nặng hơn trong phạm vi một khung hình phạt đã được xác định”* [25, tr. 305].

- *“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên trong phạm vi một khung hình phạt của một tội phạm cụ thể”* [34, tr. 36].

- *“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết được quy định trong Bộ luật hình sự phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khả năng cải tạo giáo dục của người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt, làm tăng hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt”* [19, tr.19].

Theo cách hiểu này thì tình tiết tăng nặng TNHS là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết tăng nặng chung và là một trong những căn cứ để TAND quyết định hình phạt đối với người phạm tội theo hướng nghiêm khắc hơn trong phạm vi một khung hình phạt nếu trong VAHS có tình tiết đó.

Tuy nhiên, trên thực tế, nếu các hành vi phạm tội cùng xâm hại đến một quan hệ xã hội thì mỗi hành vi phạm tội đó lại có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau. Ngay trong trường hợp nếu tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội như nhau thì vẫn có yếu tố khách quan khác tác động như: Thời gian, không gian, địa điểm, hoàn cảnh, công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội. Do đó, chính vì sự khác nhau này mà *“Nhà nước không thể quy định một mức hình phạt cụ thể và chính xác áp dụng cho từng hành vi phạm tội, mà chỉ có thể quy định khung hình phạt cho một hành vi phạm tội giống nhau cơ bản về chất nhưng khác nhau về lượng”*[7, tr. 50].

Sự khác nhau về lượng phụ thuộc vào nhiều yếu tố và được Nhà nước quy định trong BLHS thành hai nhóm tình tiết có nội dung, ý nghĩa trái ngược nhau, làm

thay đổi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và được gọi là tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ TNHS. Như vậy, làm rõ về nội dung khái niệm tình tiết tăng nặng TNHS có ý nghĩa rất quan trọng trong việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội, vì nó giúp cho Tòa án có căn cứ pháp lý để phân hoá được TNHS và cá thể hoá hình phạt một người được công minh, có căn cứ và đúng pháp luật. Như vậy, theo quan điểm của tác giả có thể hiểu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: *“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết thuộc yếu tố chủ quan hoặc khách quan của tội phạm, hay tình tiết thuộc nhân thân người phạm tội, mà khi có những tình tiết đó, tính nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội hoặc tội phạm tăng lên và do đó trách nhiệm hình sự phải tăng lên, thể hiện ở việc tội phạm bị xử lý theo tội danh nặng hơn, khung hình phạt nặng hơn, hoặc mức hình phạt cao hơn”*.

1.1.1.3. Khái niệm áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Từ tất cả những phân tích ở mục 1.1.1.1 và 1.1.1.2 và phân tích ở trên thì chúng tôi đưa ra khái niệm áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: *“Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là áp dụng những tình tiết thuộc yếu tố chủ quan hoặc khách quan của tội phạm, hay tình tiết thuộc nhân thân người phạm tội, mà khi có những tình tiết đó, tính nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội hoặc tội phạm tăng lên và do đó trách nhiệm hình sự phải tăng lên, thể hiện ở việc tội phạm bị xử lý theo tội danh nặng hơn, khung hình phạt nặng hơn, hoặc mức hình phạt cao hơn.*

1.1.2. Đặc điểm của áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

1.1.2.1. Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự

Chỉ những tình tiết tăng nặng nào đã được quy định trong BLHS thì Tòa án mới được áp dụng là tình tiết tăng nặng TNHS để tăng hình phạt đối với người phạm tội. Xác định đúng các tình tiết tăng nặng TNHS không chỉ “là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật ” mà còn là “một trong những cơ sở áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật hình sự” [4, tr. 7-8].

Khi truy tố, xét xử, chỉ những tình tiết nào được quy định trong BLHS mới được áp dụng là tình tiết tăng nặng TNHS để tăng hình phạt đối với bị cáo, không được suy diễn, coi những tình tiết ngoài BLHS là tình tiết tăng nặng TNHS. Đây cũng là khác biệt cơ bản của việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS so với áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS bởi khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 quy định: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi rõ trong bản án”*[31]. Đặc điểm này thể hiện các nguyên tắc pháp chế, bình đẳng, nhân đạo, bảo vệ quyền con người...“cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự là một trong những căn cứ của việc quyết định hình phạt công bằng” [55, tr. 184].

1.1.2.2. Khi áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự sẽ làm thay đổi tính chất hoặc mức độ nguy hiểm của tội phạm theo hướng nghiêm trọng hơn

Đặc điểm cơ bản của tình tiết tăng nặng TNHS là hậu quả pháp lý phải gánh chịu tăng lên ở chỗ thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên hoặc thể hiện mức độ tăng của việc cần áp dụng biện pháp nghiêm khắc hơn để cải tạo, giáo dục người phạm tội. Việc thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên thuộc một trong các trường hợp sau:

Một là, tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên một cách đáng kể, vượt ra khỏi tội phạm cơ bản và đến một tội phạm cùng loại có mức hình phạt cao hơn. Tội phạm cùng loại này là tội phạm có mối quan hệ mật thiết với tội phạm cơ bản, chỉ khác nhau ở cấu thành định tội là có thêm tình tiết tăng nặng TNHS.

Hai là, tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên một cách vừa phải và không vượt ra khỏi giới hạn của tội phạm đó, đến một khung hình phạt cao hơn khung hình phạt định tội. Đây chính là các tình tiết tăng nặng TNHS định khung, làm cho mức nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đó vượt ra khỏi khung hình phạt ban đầu và đến một khung hình phạt khác nặng hơn của tội phạm đó.

Ba là, tính nguy hiểm cho xã hội tăng lên nhưng không vượt quá giới hạn của khung hình phạt đang xem xét. Đây là các tình tiết tăng nặng TNHS chung. Với các tình tiết này, cho dù có một hay nhiều hơn một tình tiết tăng nặng TNHS thì cũng không làm cho tội phạm thay đổi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội một cách đáng kể, không thể vượt ra khỏi phạm vi khung hình phạt đó. Mức tăng

lên của tính nguy hiểm cho xã hội được thể hiện bằng việc người phạm tội sẽ phải gánh chịu hình phạt nặng hơn trong khung hình phạt đó so với trường hợp phạm tội cùng loại nhưng không có tình tiết tăng nặng TNHS.

1.1.2.3. Khi áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự sẽ làm tăng mức hình phạt

Do tính chất của tình tiết tăng nặng TNHS là làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, từ đó tăng mức hình phạt lên cao hơn so với trường hợp thông thường. Vì vậy, các tình tiết tăng nặng TNHS được quy định trong pháp luật hình sự một cách cụ thể, rõ ràng và không thể tùy tiện thêm bớt. Đây cũng chính là đặc điểm khác biệt của việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS với việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS; các tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được quy định trong BLHS. Trên cơ sở nghiên cứu về tội phạm học và tình hình tội phạm, yêu cầu phòng chống tội phạm trong từng thời kỳ, các nhà làm luật xác định những tình tiết nào làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cần coi là tình tiết tăng nặng và quy định trong BLHS. Xác định đúng các tình tiết tăng nặng TNHS không chỉ “là tiền đề cho việc phân hóa TNHS và cá thể hoá hình phạt một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật” mà còn là “một trong những cơ sở áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật hình sự” [4, tr. 7-8]. Khi khởi tố, truy tố, xét xử, chỉ những tình tiết tăng nặng và quy định trong BLHS mới được áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để tăng hình phạt đối với bị cáo, không được suy diễn, coi những tình tiết ngoài BLHS là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đây cũng là đặc điểm cơ bản của tình tiết tăng nặng TNHS. (Đặc điểm này khác với các tình tiết giảm nhẹ TNHS, bởi vì khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 quy định: “*Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án*” [31]. Đặc điểm này thể hiện nguyên tắc bình đẳng nhân đạo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, của pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

1.1.2.4. Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mang tính khách quan

Các tình tiết tăng nặng do các nhà làm luật nhận định phụ thuộc vào tình hình chính trị, kinh tế xã hội, tính chất tội phạm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống

tội phạm trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cụ thể điều này có nghĩa, tình tiết tăng nặng TNHS trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ là khác nhau, nó phụ thuộc vào sự đánh giá của nhà làm luật. Do đó từ góc độ lập pháp, tình tiết tăng nặng TNHS với vai trò đảm bảo xử lý nghiêm minh tội phạm cũng được điều chỉnh phù hợp, có những tình tiết mới được đưa vào, có những tình tiết phải bỏ đi, có những tình tiết đưa từ tình tiết tăng nặng chung lên thành tình tiết tăng nặng định khung, có những tình tiết tăng nặng định khung được chuyển thành tình tiết tăng nặng định tội.

1.1.2.5. Mỗi tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có mức độ tăng trách nhiệm hình sự khác nhau mà cụ thể nhất là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung

Tình tiết tăng nặng thuộc tội nào thì áp dụng cho tội ấy; tình tiết thuộc về nhân thân của người phạm tội nào thì áp dụng cho người phạm tội ấy. Đây là đặc điểm để đảm bảo quyền, lợi ích cho bị can, bị cáo, khi đang truy tố xét xử thì người tiến hành tố tụng chỉ được áp dụng những tình tiết liên quan trực tiếp đến vụ án, ảnh hưởng đến tính nguy hiểm cho xã hội của một tội phạm cụ thể. Một tình tiết tăng nặng TNHS chỉ được áp dụng một lần trong một VAHS, chỉ những tình tiết tăng nặng TNHS nào liên quan đến VAHS mới được áp dụng trong VAHS đó và trong cùng một VAHS có đồng phạm, tình tiết tăng nặng TNHS thuộc về riêng một trong các đồng phạm thì chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS đối với họ.

1.1.2.6. Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự làm tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội một cách có giới hạn

Tình tiết tăng nặng TNHS có tác động giới hạn (khác với tình tiết giảm nhẹ TNHS). Bởi vì đối với trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Tòa án có thể xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc miễn TNHS, miễn hình phạt. Còn trường hợp người phạm tội dù có nhiều tình tiết tăng nặng chung, nhiều tình tiết tăng nặng định khung chung thì cũng chỉ bị xử phạt trong phạm vi một khung hình phạt đó. Ví dụ: Một người phạm tội cướp tài sản có một tình tiết tăng nặng chung và một tình tiết tăng nặng định khung ở khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015 cũng có thể bị xử phạt tới 15 năm tù, thế nhưng một người khác cũng phạm tội cướp tài sản có nhiều tình tiết tăng nặng định khung ở khoản 2 Điều 168 BLHS năm

2015 và nhiều tình tiết tăng nặng chung thì cũng chỉ có thể xử phạt đến 15 năm tù, điều đó thể hiện đây là đặc điểm đặc thù của tình tiết tăng nặng TNHS.

Tóm lại, các tình tiết tăng nặng TNHS phản ánh tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn của tội phạm và nhân thân người phạm tội, phản ánh nhu cầu cải tạo giáo dục người phạm tội bằng biện pháp nghiêm khắc hơn. Những tình tiết đó không phải do các nhà làm luật tự nghĩ ra mà do quá trình nhận thức thực tiễn, đánh giá bản chất tội phạm, qua thực tiễn áp dụng pháp luật để đúc kết hình thành nên. Do đó, cũng như các tình tiết giảm nhẹ, các tình tiết tăng nặng TNHS mang tính khách quan. Một tội phạm có thêm những tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội thì sẽ phải chịu TNHS cao hơn là điều cần thiết để đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật và cần phải xác định mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

1.1.3. Nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Tòa án chỉ được áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự kể từ khi BLHS có hiệu lực pháp luật. Vì theo quy định tại khoản 2 Điều 7 BLHS năm 2015 thì *“Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới... thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã được thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”*. Như vậy, đối chiếu Điều 52 BLHS năm 2015 với Điều 48 BLHS năm 1999 thì Điều 52 BLHS năm 2015 có 02 tình tiết tăng nặng TNHS mới là trường hợp phạm tội đối với *“người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người hạn chế khả năng nhận thức”* (điểm k); và bổ sung tình tiết *“dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội”*; Còn khi so sánh Điều 48 BLHS năm 1999 Điều 39 BLHS năm 1985, thì tại Điều 48 có các tình tiết tăng nặng sau là những tình tiết mới: 1) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; 2) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; 3) Phạm tội có tính chất côn đồ; 4) Xâm phạm tài sản Nhà nước; 5) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng và, 6) Lợi dụng tình trạng khẩn cấp, dịch bệnh để phạm tội. Do đó, nếu trước ngày BLHS năm 2015 và BLHS năm 1999 có hiệu lực pháp luật mà người phạm tội thực hiện tội phạm có một trong các tình tiết trên mà sau khi BLHS có hiệu lực mới bị phát

hiện, điều tra, truy tố và xét xử thì các Tòa án không được coi các tình tiết trên là tình tiết tăng nặng TNHS để áp dụng đối với người phạm tội.

1.2. Phân loại các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Trong nghiên cứu khoa học, phân loại đối tượng nghiên cứu là một phương pháp nghiên cứu rất quan trọng. Việc phân loại được thực hiện dựa trên cơ sở những tiêu chí nhất định. Mỗi tiêu chí, mỗi cách phân loại giúp cho việc nghiên cứu sự vật, hiện tượng ở góc độ nhất định. Tổng hợp việc nghiên cứu theo việc phân loại với nhiều tiêu chí, nhiều cách phân loại sẽ giúp cho việc nghiên cứu sự vật, hiện tượng một cách đa dạng, phong phú, đầy đủ và toàn diện.

Đối với các tình tiết tăng nặng TNHS cũng vậy, đây là tổng hợp các tình tiết khác nhau có cùng bản chất làm tăng trách nhiệm hình sự đối với chủ thể tội phạm, do đó, việc phân loại là có thể và rất cần thiết khi nghiên cứu đối tượng là tình tiết tăng nặng TNHS. Theo tác giả, về tiêu chí phân loại tình tiết tăng nặng TNHS có hai tiêu chí cơ bản và quan trọng cần sử dụng, đó là: Tiêu chí về tính chất của tình tiết tăng nặng TNHS và tiêu chí về ý nghĩa pháp lý của tình tiết tăng nặng TNHS, cụ thể như sau:

1.2.1. Phân loại căn cứ vào ý nghĩa pháp lý của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Căn cứ vào tiêu chí này, tình tiết tăng nặng TNHS được phân loại thành:

- Tình tiết tăng nặng TNHS cấu thành tội tăng nặng hơn cùng loại (hay còn gọi là tình tiết tăng nặng TNHS định tội);
- Tình tiết tăng nặng TNHS định khung;
- Tình tiết tăng nặng TNHS chung.

1.2.1.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định tội

Tình tiết tăng nặng TNHS định tội là tình tiết làm thay đổi tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm theo hướng tăng lên, tức là làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Do đó, tội phạm phải được xử lý về tội nặng hơn.

Cần lưu ý rằng, đây là tình tiết tăng nặng TNHS định tội chứ không phải là tình tiết định tội, tuy nó đều đóng vai trò là một yếu tố trong cấu thành tội phạm, nhưng đây là yếu tố thuộc cấu thành tội phạm tăng nặng TNHS định tội. Nếu là tình tiết định tội thì khi không có tình tiết đó, hành vi không cấu thành tội phạm. Còn đối

với các tình tiết tăng nặng TNHS định tội thì khi không có tình tiết đó (giả định luật không quy định đó là tình tiết tăng nặng) thì hành vi cũng đã cấu thành một tội phạm khác nhẹ hơn. Tình tiết đó chỉ đóng vai trò tăng thêm tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà sự tăng thêm đó làm cho tội phạm thay đổi về tính chất.

Trong Luật Hình sự Việt Nam, có những tình tiết tăng nặng TNHS đóng vai trò định tội trong các cấu thành tội phạm cơ bản như: Tình tiết người bị hại là người dưới 16 tuổi trong tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142 BLHS năm 2015), tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144 BLHS năm 2015). Đây là tình tiết tăng nặng thuộc đối tượng tác động của tội phạm. Nếu Luật không quy định phạm tội đối với người dưới 16 tuổi là tình tiết tăng nặng thì người có hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm người khác cũng đã phạm vào tội hiếp dâm, tội cưỡng dâm. Khi nghiên cứu tình tiết tăng nặng này cần phân biệt với tình tiết người bị hại là người dưới 16 tuổi trong một số tội như tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145 BLHS 2015), tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146 BLHS năm 2015) là những tình tiết định tội và tình tiết người chưa đủ 13 tuổi là tình tiết tăng nặng TNHS định khung trong tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi. Nói phạm tội đối với người dưới 16 tuổi là tình tiết định tội trong các tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, dâm ô đối với người dưới 16 tuổi, bởi vì nếu không có tình tiết đó thì hành vi không cấu thành tội phạm.

Tình tiết vi phạm quy tắc hành chính hoặc quy tắc nghề nghiệp trong tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc hành chính hoặc quy tắc nghề nghiệp (Điều 129 BLHS năm 2015) và tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 139 BLHS năm 2015). Cơ sở để quy định các tội danh này nặng hơn tội vô ý làm chết người (Điều 28 BLHS năm 2015) và tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác (Điều 138 BLHS năm 2015), là quy tắc nghề nghiệp, quy tắc hành chính đã được “Luật hóa”, rõ ràng hơn, mọi người có nghĩa vụ phải tuân thủ, làm theo những quy trình nhất định. Do đó, tính chất nó khác với quy tắc xã hội. Vì vậy, trường hợp vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp, quy tắc hành chính thì mức độ lỗi cao hơn. Tuy nhiên, do cả hai trường hợp đều có lỗi vô ý nên

nếu không quy định thành tội riêng ở Điều 19 BLHS năm 2015 thì cả hai trường hợp đều xử lý về tội vô ý làm chết người.

Ngoài ra, trong BLHS còn có một số tình tiết tương tự như tình tiết tăng nặng TNHS định tội, như tình tiết nhằm chống chính quyền nhân dân ở tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 13 BLHS năm 2015), tình tiết tài sản là công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia trong tội phá huỷ công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 303 BLHS năm 2015). Đây là những tình tiết thuộc những tội có dấu hiệu giống và nặng hơn các tội giết người, cố ý gây thương tích và tội huỷ hoại tài sản. Tuy nhiên, theo tác giả do những tội trên không xâm phạm cùng nhóm khách thể nên không thể coi những tình tiết đó là tình tiết tăng nặng TNHS định tội.

1.2.1.2. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung

Đây là các tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm một cách đáng kể. Do đó TNHS, hình phạt đối với trường hợp tội phạm có tình tiết đó cũng cao hơn, thể hiện ở chế tài được quy định ở khung cao hơn đối với chế tài của khung hình phạt cơ bản. Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là liên tục không tách rời. Tuy nhiên, để đảm bảo thuận lợi cho cá thể hóa TNHS, tránh tùy tiện, thì hình phạt được chia thành từng khung nhất định. Khoảng cách giữa mức độ cao nhất và mức độ thấp nhất của hình phạt tội đó càng lớn thì càng có nhiều khung hình phạt (nhiều cấu thành tội phạm tăng nặng). Tương ứng, tình tiết tăng nặng nào biểu hiện cho tính nguy hiểm cho xã hội lớn hơn đáng kể so với tình tiết khác thì sẽ ở khung hình phạt cao hơn.

Nhìn chung, chỉ có tình tiết tăng nặng thuộc hậu quả vật chất của tội phạm và các tình tiết khác thuộc mặt khách quan của tội phạm có tính định lượng là phản ánh phạm vi rộng nhất mức độ ảnh hưởng của nó đến tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Do đó, tình tiết này có mặt ở hầu hết khung hình phạt tăng nặng. Các tình tiết tăng nặng TNHS định khung khác chỉ có mặt ở một khung nhất định. Có những tình tiết tăng nặng TNHS định khung được dùng phổ biến ở nhiều nhóm tội, nhiều tội như: “phạm tội có tổ chức”, “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, “tái phạm nguy hiểm”, “phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng”... có những tình tiết chỉ áp dụng cho một nhóm tội như: nhiều người phạm tội

đối với một người, làm nạn nhân có thai... trong các tội phạm tình dục. Có tình tiết thì chỉ áp dụng cho một tội riêng biệt như “hành hung để tẩu thoát” ở tội trộm cắp tài sản.

1.2.1.3. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung

Tình tiết tăng nặng TNHS chung là những tình tiết thuộc yếu tố chủ quan, khách quan, nhân thân người phạm tội làm cho tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên ở mức độ nhất định, với trường hợp không có tình tiết đó, có tác dụng tăng nặng TNHS đối với người phạm tội trong một khung hình phạt cụ thể của một tội phạm cụ thể. Ý nghĩa pháp lý của những tình tiết này là nhằm đảm bảo cá thể hóa hình phạt được chính xác, triệt để. Mức độ ảnh hưởng của các tình tiết tăng nặng chung đến tính nguy hiểm cho xã hội và do đó đến mức độ tăng nặng TNHS thấp hơn tình tiết tăng nặng TNHS định tội và tình tiết tăng nặng TNHS định khung.

Cách phân loại trên giúp định hướng trong việc nghiên cứu các tình tiết tăng nặng TNHS, xây dựng các tội phạm, các cấu thành tăng nặng phù hợp. Bên cạnh đó, trên cơ sở giá trị pháp lý của từng loại tình tiết giúp người áp dụng định tội, định khung, cá thể hóa hình phạt được xác định.

1.2.2. Phân loại căn cứ vào tính chất của tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các tình tiết tăng nặng TNHS đều thể hiện việc làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, song do các tình tiết đó đều là biểu hiện sự nguy hiểm hơn của các yếu tố cấu thành tội phạm, của nhân thân người phạm tội, nên giữa các tình tiết có sự khác nhau về tính chất. Căn cứ theo tiêu chí này, các tình tiết tăng nặng TNHS được chia thành các loại sau:

1.2.2.1. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc yếu tố chủ quan của tội phạm

Là những tình tiết phản ánh trạng thái, tâm lý được biểu hiện thông qua hành động của người phạm tội trước, trong khi phạm tội có vai trò làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hoạt động tội phạm. Tất nhiên, thái độ, diễn biến tâm lý phải liên quan trực tiếp đến việc thực hiện tội phạm. Các tình tiết này gồm có: Phạm tội vì động cơ đê hèn; cố tình thực hiện tội phạm đến cùng.

1.2.2.2. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc nhân thân người phạm tội

Những tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội là những tình tiết phản ánh các đặc điểm thuộc về con người phạm tội thể hiện tính nguy hiểm ít hay nhiều của người phạm tội. Xét đến đặc điểm thân nhân không có gì trái với nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật mà rất cần thiết vì Tòa án xét xử một vụ án cụ thể cũng là xét xử một con người cụ thể. Hình phạt chỉ có thể hợp lý, công bằng, cũng như chỉ có thể phát huy đầy đủ tác dụng, khi nó tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và với tính chất, mức độ nguy hiểm của bản thân người phạm tội.

Rõ ràng có những đặc điểm thân nhân liên quan hữu cơ với việc thực hiện tội phạm, nói lên mức độ nguy hiểm khác nhau của hành vi cũng như của người phạm tội, làm sáng tỏ mặt khách quan và chủ quan của tội phạm, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, khả năng tiếp thu giáo dục, cải tạo của họ... Các tình tiết tăng nặng TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội gồm: Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm; có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm.

1.2.2.3. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc yếu tố khách quan của tội phạm

Là những tình tiết phản ánh đều biểu hiện bên ngoài của tội phạm, có ý nghĩa làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm so với những trường hợp phạm tội tương đương không có những tình tiết này. Những tình tiết này phản ánh tính chất hành vi, công cụ, phương tiện, thủ đoạn, đối tượng phạm tội, hậu quả tội phạm, đó là: Phạm tội có tổ chức; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; phạm tội có tính chất côn đồ; phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác; xâm phạm tài sản của Nhà nước; phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng; lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội; dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm

tội, hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây hại cho nhiều người; xúi giục người chưa thành niên phạm tội.

1.3. Ý nghĩa và vai trò của việc áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

1.3.1. Ý nghĩa về mặt chính trị

Các tình tiết tăng nặng TNHS thể hiện cụ thể đường lối, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước. Điều 3 BLHS năm 2015 thể hiện rõ đường lối xử lý nghiêm trị kết hợp với khoan hồng đối với người phạm tội, cụ thể như sau:

“1. Đối với người phạm tội:

a) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật;

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội;

c) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;

d) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn, hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra;

đ) Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục;

e) Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật này quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện;

g) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.

2. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội:

a) Mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật;

b) Mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế;

c) Nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;

d) Khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra”. [31]

Việc quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong BLHS thể hiện chính sách xử lý có phân hóa trong khi xác định TNHS và hình phạt đối với người phạm tội, giáo dục khuyến khích họ tích cực sửa chữa, cải tạo họ trở thành người lương thiện. Việc quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong BLHS còn có tác dụng thống nhất việc vận dụng đường lối xét xử trong cả nước góp phần hạn chế việc vận dụng tùy tiện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bảo đảm nguyên tắc pháp chế XHCN trong lĩnh vực hình sự. Mặt khác, thông qua việc quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và việc vận dụng nó trong việc xác định TNHS đối với tội phạm, Nhà nước làm cho mọi công dân thấy rõ những trường hợp nào cần xử nặng, những trường hợp nào cần khoan hồng, điều này có tác động tích cực trong việc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

1.3.2. Ý nghĩa về mặt xã hội

Việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS thể hiện chính sách nghiêm trị của Nhà nước ta đối với tội phạm, nhưng xét đến cùng là nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc công bằng trong lĩnh vực hình sự, có tác động tích cực trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Đối với mỗi tội phạm cụ thể thì các tình tiết tăng nặng TNHS không có giá trị tăng nặng như nhau, có tình tiết có ý nghĩa tăng nặng lớn, nhưng cũng có tình tiết chỉ có ý nghĩa tăng một phần nhỏ TNHS đối với người phạm tội. Do vậy, việc hiểu và vận dụng đúng đắn các tình tiết tăng nặng trong việc xác định TNHS trong mỗi trường hợp phạm tội cụ thể là tiền đề đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc cá thể hóa TNHS và hình phạt.

Bộ luật hình sự chỉ có thể quy định một cách khái quát mức hình phạt thấp nhất và cao nhất trong một khung hình phạt đối với một tội phạm. Vì trong thực tế

mỗi tội phạm xảy ra rất khác nhau, phong phú, đa dạng về nguyên nhân, hoàn cảnh, mức độ thực hiện tội phạm, mức độ gây thiệt hại, về nhân thân người phạm tội ... Những tình tiết riêng biệt này đóng vai trò rất quan trọng trong việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã xảy ra và TNHS của người phạm tội. Do đó, việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS làm căn cứ để quyết định hình phạt đối với người phạm tội là thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, đảm bảo sự công bằng giữa các công dân trước pháp luật, giúp đạt được mục đích của hình phạt là cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

1.3.3. Ý nghĩa về mặt pháp lý

Các tình tiết tăng nặng là những tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã được thực hiện, là cơ sở pháp lý để tăng nặng hình phạt đối với người phạm tội trong phạm vi của một khung hình phạt tương ứng cụ thể. Thể hiện nội dung nghiêm trị trong chính sách hình sự của Nhà nước ta, đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc cá thể hóa TNHS và hình phạt. Về mặt pháp lý, các tình tiết tăng nặng TNHS có ý nghĩa là một phương tiện phân hóa TNHS trong luật và cá thể hóa TNHS trong áp dụng pháp luật, là điều kiện cần thiết để đạt được mục đích của hình phạt.

1.4. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015

1.4.1. Những quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam thời kỳ từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1985

Sau khi nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, trong phiên họp Chính phủ ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Trước ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp, nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ”*. Bản Hiến pháp năm 1946 ra đời có ý nghĩa quan trọng về nhiều phương diện và là nguồn có tính chất định hướng của luật hình sự Việt Nam giai đoạn 1945-1959.

Trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1959, Luật hình sự Việt Nam thể hiện là các văn bản pháp luật được ban hành dưới dạng sắc lệnh như: Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945 của Chủ tịch chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa quy

định: “Cho đến khi ban hành những bộ pháp luật duy nhất cho toàn cõi nước Việt Nam, các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung và Nam bộ vẫn tạm thời giữ nguyên như cũ, nếu những luật lệ ấy không trái với những điều thay đổi ấn định trong sắc lệnh này”. Sắc lệnh số 33 ngày 19/3/1947 quy định tăng mức tiền phạt trong trường hợp phạt tiền là hình phạt áp dụng đối với bị cáo lên gấp 10 lần so với quy định của “các hình luật ban bố trước ngày 19/8/1945” để bảo đảm tính hiệu quả của hình phạt này do sự mất giá của đồng tiền Đông Dương cũ.

Số lượng các Sắc lệnh được ban hành trong giai đoạn 1945-1959 tương đối lớn trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Ngày 20/01/1953, Sắc lệnh số 133/SL ra đời chính thức quy định hệ thống các hành vi xâm phạm đến sự an toàn của Nhà nước bị trừng phạt bởi biện pháp hình sự. So với các đạo luật hình sự đơn hành được ban hành trước đó, Sắc lệnh 133/SL là văn bản pháp luật đầu tiên quy định một cách hệ thống và khoa học nhất vấn đề tội phạm và hình phạt. Trong Sắc lệnh này không quy định các tình tiết tăng nặng TNHS thành điều luật riêng mà chỉ phân hóa vai trò của từng người phạm tội trong từng tội phạm cụ thể để quy định hình phạt. Tuy nhiên, ra đời trong bối cảnh cuộc vận động cải cách ruộng đất được triển khai mỗi lúc một mạnh mẽ, hiệu lực thực tế của Sắc lệnh 133/SL bị cạnh tranh bởi Sắc lệnh số 150/SL quy định thành lập Tòa án đặc biệt phục vụ cải cách ruộng đất và Sắc lệnh số 151/SL thể chế hóa quyền hạn của Tòa án đặc biệt trong lĩnh vực luật hình sự. Về mặt nội dung, Sắc lệnh số 151/SL có nhiều quy định trùng với quy định của Sắc lệnh số 133/SL nhưng với một loại chủ thể đặc biệt là địa chủ Việt gian phản động chống phá công cuộc cải cách ruộng đất. Đến cuối năm 1956, do mục tiêu của cuộc vận động cải cách ruộng đất cơ bản đã đạt được và cũng một phần do những sai lầm trong cuộc vận động này, TAND đặc biệt thành lập theo Sắc lệnh 150/SL giải thể, Sắc lệnh số 133/SL lại trở lại vai trò của nó là cơ sở pháp lý của luật hình sự trong đấu tranh với các hoạt động xâm phạm an toàn nhà nước cho đến khi văn bản pháp luật mới có hiệu lực cao hơn (Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng) ra đời năm 1967.

Cùng với sắc lệnh số 133/SL, nhà nước ta còn ban hành Sắc lệnh số 267/SL ngày 15/6/1956 để “trừng phạt những âm mưu, hành động phá hoại hoặc làm thiệt hại tài sản của nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân”.

Nguồn luật hình sự trong lĩnh vực bảo vệ an toàn nhà nước, ngoài các Sắc lệnh đã nêu còn có các văn bản khác như: Sắc lệnh số 146/SL ngày 02/3/1948 quy định: ngoài hình phạt chính, bắt buộc phải tuyên “hình phạt phụ là tịch thu một phần hay toàn bộ gia sản” của người bị kết án phạm tội gián điệp hay phản quốc; Sắc lệnh số 95/SL ngày 13/8/1949 về bí mật kinh tế; Sắc lệnh số 128/SL ngày 17/7/1950 về bí mật công văn, thư tín; Sắc lệnh số 154/SL ngày 17/11/1950 về bí mật cơ quan, bí mật công tác của Chính phủ... Điểm đáng chú ý trong hệ thống luật hình sự Việt Nam giai đoạn 1945-1959 là sự xuất hiện và phát triển của hệ thống án lệ mới. Tuy nhiên, sự tồn tại của các án lệ mới là điều không thể phủ nhận và dấu vết còn lại của nó được phản ánh khá rõ nét trong Thông tư 442/TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 19/01/1955. Trong Thông tư 442/TTg, Thủ tướng chính phủ khẳng định rằng từ ngày chính quyền cách mạng được thành lập, Tòa án cách mạng Việt Nam đã căn cứ vào các văn bản pháp luật do Chính phủ ban hành, đồng thời vận dụng sáng tạo các quy định pháp luật của chế độ cũ để đúc kết kinh nghiệm xét xử và kinh nghiệm xét xử về một số loại phạm pháp đã trở thành án lệ. Cũng theo Thủ tướng chính phủ, các án lệ này mặc dù đã đem lại kết quả tốt cho việc bảo vệ trật tự an ninh song còn khác nhau giữa các địa phương. Đường lối xét xử do đó không được thống nhất, rõ ràng và có nơi không được đúng. Tại Điều 3 của Thông tư này cũng đã quy định về tình tiết tăng nặng đối với tội cố ý gây thương tích và tội giết người.

Tiếp sau sự kiện chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc được giải phóng, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam có những thay đổi cơ bản. Nhà nước ta đã ban hành Hiến pháp năm 1959. Trên cơ sở Hiến pháp 1959, nguồn luật hình sự giai đoạn 1959-1985 đã có bước phát triển mới với những đặc điểm mới khác với giai đoạn trước, cụ thể như sau:

Một là, kể từ năm 1959 trở đi, trong hệ thống luật hình sự Việt Nam không còn có các văn bản pháp luật ban hành dưới chế độ cũ. Khởi đầu sự kiện này là ngày 30/6/1955, Bộ Tư pháp có Thông tư số 19- VHH/HS gửi các Tòa án yêu cầu không nên áp dụng luật lệ của đế quốc và phong kiến nữa. Tuy nhiên, trên thực tế, văn bản này không được các Tòa án chấp hành một cách triệt để, gây nên tình trạng đường lối xử lý đâm ra sai lệch, không phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Để khắc phục những tồn tại đã nêu, ngày 10/7/1959, TAND tối cao

đã ra Chỉ thị số 772- TATC khẳng định dứt khoát “*hoàn toàn không thể sử dụng điều luật của đế quốc và phong kiến được nữa, dù là với tinh thần mới*” [43]. Đây là một trong những đặc điểm có tính nổi bật, ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển nguồn luật hình sự Việt Nam trong các giai đoạn tiếp sau.

Hai là, nếu như trong giai đoạn trước, Sắc lệnh là hình thức văn bản pháp luật hình sự phổ biến thì đến giai đoạn 1959-1985, các Pháp lệnh và Sắc luật lại giữ vai trò quan trọng hơn trong việc điều chỉnh quan hệ pháp luật hình sự. Vai trò của cơ quan lập pháp được tăng cường và bước đầu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà Hiến pháp giao cho.

Việc thành lập TAND tối cao có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của pháp luật Việt Nam bởi các bản tổng kết hàng năm, tổng kết chuyên đề của TAND tối cao trong suốt những năm 60-70 thế kỷ XX đã trở thành nguồn bổ sung quan trọng nhất của luật hình sự Việt Nam, là cơ sở thực tiễn để nhà nước ta tiến hành pháp điển hóa các văn bản pháp luật hình sự sau này. Các bản tổng kết thực tiễn xét xử quan trọng nhất của TAND tối cao có thể kể đến là: Bản báo cáo giải thích của TAND tối cao về Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng tại Hội nghị tổng kết công tác năm 1967, bản tổng kết và hướng dẫn số 329-HS2 ngày 11/2/1967 của TAND tối cao về đường lối xét xử tội hiệp dân và một số tội phạm khác về mặt tình dục... Trong tư duy pháp lý của những người soạn thảo thì các văn bản nói trên là các bản hướng dẫn nghiệp vụ trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Tuy nhiên, do tình trạng thiếu pháp luật nên thực chất những bản tổng kết kinh nghiệm xét xử này là loại nguồn chính của luật hình sự Việt Nam rất nhiều năm sau đó và chúng chỉ thực sự chấm dứt hiệu lực khi BLHS năm 1985 ra đời.

Như vậy có thể thấy: Do bối cảnh lịch sử trong giai đoạn này nên việc xây dựng Luật hình sự không mang tính hệ thống và các quy định của pháp luật về hình sự chủ yếu tập trung ở các văn bản dưới luật.

1.4.2. Những quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam thời kỳ từ năm 1985 đến năm 1999

Cũng như các giai đoạn trước, thực trạng luật hình sự Việt Nam giai đoạn từ năm 1985 đến nay phát triển trong bối cảnh những biến chuyển về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước và chịu sự chi phối của các đặc điểm lịch sử cụ thể. Những đặc điểm đó là: Sự chuyển hướng trong phương thức quản lý nền

kinh tế của nhà nước, từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng XHCN; các quan hệ kinh tế thị trường bước đầu được hình thành, phát triển song chưa ổn định, nhiều quan hệ mới phát sinh, đặt ra những vấn đề phức tạp trong điều chỉnh pháp luật; sự tác động, ảnh hưởng của các yếu tố mang tính quốc tế và khu vực đến Việt Nam ngày càng lớn, nhất là sau khi nước ta trở thành thành viên chính thức của WTO; vấn đề dân chủ hóa, mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội, sự quan tâm của người dân và nhà nước về vấn đề nhân quyền ngày càng nhiều hơn; công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, trong đó có cải cách tư pháp được thúc đẩy mạnh mẽ, bước đầu đã đạt được một số thành quả nhất định.

Chịu tác động của những nhân tố nêu trên, từ 1985 đến nay, luật hình sự Việt Nam đã có những bước tiến mạnh trong việc xây dựng BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999. Cùng với đó là sự quy định cụ thể hơn về các tình tiết tăng nặng TNHS và cùng với sự phát triển của đất nước các tình tiết tăng nặng TNHS cũng được các nhà làm luật sửa đổi, bổ sung.

Trong BLHS năm 1985, tại khoản 1 Điều 39 quy định có 9 tình tiết tăng nặng TNHS sau:

- “a) Phạm tội có tổ chức; xúi giục người chưa thành niên phạm tội;*
- b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;*
- c) Phạm tội trong thời gian đang chấp hành hình phạt;*
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác trong khi phạm tội hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;*
- đ) Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về vật chất, công tác hay các mặt khác;*
- e) Phạm tội vì động cơ đê hèn; cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;*
- g) Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng;*
- h) Phạm tội nhiều lần; tái phạm; tái phạm nguy hiểm;*
- i) Sau khi phạm tội, đã có những hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm”.*

Những tình tiết tăng nặng trên, tùy theo tính chất, đã được quy định là tình tiết tăng nặng định khung trong một số tội. Như các tình tiết phạm tội có tổ chức, lợi

dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác khi phạm tội, phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, hậu quả nghiêm trọng của tội phạm. Ngoài ra, còn có một số tình tiết khác đóng vai trò định khung tăng nặng trong các tội phạm cụ thể như: Phạm tội có tính chất côn đồ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng nghề nghiệp, phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành hung tẩu thoát. Như vậy, một số tình tiết tăng nặng đã được loại bỏ như: ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dùng tài sản phạm tội để kinh doanh, bóc lột, đầu cơ, có móc ngoặc, phạm tội vì động cơ hưởng lạc, thủ đoạn phạm tội táo bạo, bị ỏi. Đặc biệt, về nhân thân xấu để tăng nặng TNHS cũng được thu hẹp. Xâm phạm tài sản XHCN vẫn được coi là tình tiết tăng nặng định tội đối với loại tội phạm xâm phạm tài sản, bởi vì lúc đó chúng ta đang chủ trương xác định một nền kinh tế với hai hình thức sở hữu chủ yếu là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Bởi vậy, các tội xâm phạm tài sản XHCN và xâm phạm tài sản công dân đã được quy định thành hai chương riêng biệt. Ngoài ra, còn một tình tiết tăng nặng chung được bổ sung là phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt (khác với tái phạm).

Bộ luật hình sự 1985 đã qua 4 lần sửa đổi, bổ sung và các tình tiết tăng nặng TNHS cũng có nhiều điều chỉnh quan trọng. Trước hết là việc bổ sung tình tiết tăng nặng chung "Lợi dụng chức vụ cao để phạm tội". Cơ sở lý luận để quy định tình tiết tăng nặng này là nhằm đấu tranh có hiệu quả hơn với loại tội phạm tham nhũng. Bởi vì, sau khi nền kinh tế đất nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường thì tình trạng tham nhũng xảy ra hết sức nghiêm trọng. Về cơ sở lý luận, rõ ràng, người có chức vụ cao nhờ có quyền lực, uy tín sẽ dễ dàng thực hiện tội phạm hơn. Tuy nhiên, vấn đề khó là việc xác định như thế nào là người có chức vụ cao. Một trong những sửa đổi quan trọng là việc coi đối tượng tác động của tội phạm là trẻ em, người chưa thành niên là tình tiết tăng nặng định tội trong các tội xâm phạm tình dục. Vì vậy, có 2 tội mới được quy định trong BLHS "Tội hiếp dâm trẻ em" (Điều 112a BLHS), "Tội cưỡng dâm người chưa thành niên" (Điều 113a BLHS). Rõ ràng, hành vi xâm phạm tình dục trẻ em không chỉ ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe trẻ em là đối tượng bảo vệ đặc biệt của pháp luật, của xã hội mà còn chà đạp lên luân thường đạo lý. Do đó, việc xâm phạm tình dục đối với trẻ em đã làm thay đổi

tính chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm này. Vì vậy, tách các tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em thành những tội riêng biệt là hết sức cần thiết.

Cũng bắt đầu từ những năm 90 của thế kỷ XX, các tội phạm về tham nhũng, ma túy, tình dục gia tăng một cách đáng báo động. Hậu quả của tội phạm cũng đặc biệt nghiêm trọng. Điều đó cũng có nghĩa rằng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên rất nhiều. Do đó, để đảm bảo yêu cầu cá thể hoá hình phạt, thì cần tăng thêm một số khung hình phạt. Nhiều tội trước đây chỉ có 3 khung hình phạt nay thành 4 khung hình phạt. Cùng với điều đó, nhằm xử lý nghiêm hơn những loại tội phạm đang gia tăng này, BLHS năm 1985 có thêm loại tình tiết tăng nặng định khung đặc biệt chỉ có ở loại tội có hai khung hình phạt tăng nặng trở lên. Nội dung của tình tiết tăng nặng định khung này là: nếu tội phạm có nhiều tình tiết (tăng nặng) ở một khung thì sẽ bị xử lý theo khung hình phạt nặng hơn. Ví dụ: như ở "Tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản XHCN" (Điều 134 BLHS) chẳng hạn, nếu tội phạm gây ra ít nghiêm trọng nhưng có hai tình tiết tăng nặng ở khoản 2 là "phạm tội có tổ chức" và "tội phạm nguy hiểm" chẳng hạn thì phải xử lý theo điểm b khoản 3. Bởi vì điểm b khoản 3 quy định "Có nhiều tình tiết tại khoản 2 điều này". Các tội có tình tiết tăng nặng loại này gồm: Tội hiếp dâm (Điều 112 BLHS), Tội cưỡng dâm (Điều 113 BLHS), Tội cưỡng dâm người chưa thành niên (Điều 113a BLHS), Tội tham ô tài sản XHCN (Điều 133 BLHS), Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN (Điều 134 BLHS), Tội sử dụng trái phép tài sản XHCN (Điều 137 BLHS), Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản XHCN (Điều 137a), các tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và cưỡng bức lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy được quy định ở chương các tội phạm về ma túy.

1.4.3. Những quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam năm 1999 đến năm 2017

Sau hơn 14 năm tồn tại, tuy đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, nhưng Bộ luật hình sự 1985 vẫn bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế. Nhằm khắc phục những điều đó và đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội giai đoạn mới. Quá trình soạn thảo BLHS năm 1999 và Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật này năm 2009 dựa trên nguyên tắc “bảo đảm tôn trọng các điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ

nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia” đã được xác định như là một trong những quan điểm chỉ đạo cơ bản nhất đối với các nhà lập pháp. Những sửa đổi, bổ sung quan trọng nhất của BLHS năm 1999 so với BLHS năm 1985 cũng như những sửa đổi, bổ sung của Luật số 37/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1999 đều đặt trọng tâm vào các quy phạm pháp luật hình sự trong lĩnh vực tội phạm xâm phạm sở hữu và tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Nghiên cứu BLHS năm 1999, không thể phủ nhận những điểm tiến bộ, mang tính chất phát triển của Bộ luật so với BLHS năm 1985. Trên cơ sở kế thừa các tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS 24 năm 1985; BLHS năm 1999 đã có sự sửa đổi, bổ sung một số tình tiết tăng nặng mới mà chưa được quy định trong Điều 39 BLHS năm 1985.

Khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ năm 2009) quy định có tất cả 14 tình tiết tăng nặng TNHS đó là:

“1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- a) Phạm tội có tổ chức;*
- b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;*
- d) Phạm tội có tính chất côn đồ;*
- đ) Phạm tội vì động cơ đê hèn;*
- e) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;*
- g) Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm;*
- h) Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tình thần, công tác hoặc các mặt khác;*
- i) Xâm phạm tài sản của Nhà nước;*
- k) Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;*
- l) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;*
- m) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội hoặc thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;*
- n) Xúi giục người chưa thành niên phạm tội;*

o) Có hành động xảo quyệt, hung hãn nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm.

2. Những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng” [30].

Kết luận Chương 1

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và phân tích, tổng hợp Chương 1 của luận văn, học viên đã đưa ra khái niệm áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật Hình sự Việt Nam như sau: *“Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là áp dụng những tình tiết thuộc yếu tố chủ quan hoặc khách quan của tội phạm, hay tình tiết thuộc nhân thân người phạm tội, mà khi có những tình tiết đó, tính nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội hoặc tội phạm tăng lên và do đó trách nhiệm hình sự phải tăng lên, thể hiện ở việc tội phạm bị xử lý theo tội danh nặng hơn, khung hình phạt nặng hơn, hoặc mức hình phạt cao hơn.* Bên cạnh đó học viên cũng đã nêu được đặc điểm, nguyên tắc, phân loại và ý nghĩa của việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS; học viên cũng đã trình bày cụ thể quá trình hình thành và phát triển những quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS trong Luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực (kể từ ngày 01.01.2018). Đó chính là những cơ sở pháp lý để học viên trình bày nội dung các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của BLHS Việt Nam năm 2015 và thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong giải quyết VAHS theo quy định của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2013-2017 ở Chương 2 của luận văn.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 2015 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TẠI THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2013-2017

2.1. Những quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015

Kể từ ngày 01.01.2018 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thi hành, tại Điều 52 của BLHS năm 2015 quy định các tình tiết tăng nặng TNHS có một số sửa đổi, bổ sung so với Điều 48 của BLHS năm 1999. Sửa cụm từ “phạm tội đối với trẻ em” thành “phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”; sửa “người già” thành “người đủ 70 tuổi trở lên” (điểm i). Bỏ các tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng vì đây là các tình tiết định tội, định khung hình phạt mang tính chất định tính và trừu tượng. Các tình tiết này đã được lượng hóa cụ thể trong các tội phạm và khi đã là tình tiết định tội, định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng nữa; Bổ sung đối tượng bị xâm hại là "người khuyết tật hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức" vào tình tiết tăng nặng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Theo đó, người phạm tội nếu phạm tội đối với người khuyết tật hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức sẽ bị coi là tình tiết tăng nặng TNHS. Bỏ tình tiết xâm phạm tài sản của Nhà nước; tuy nhiên, trong Phần thứ hai “Các tội phạm” tình tiết này vẫn là tình tiết định tội, định khung hình phạt của một số tội. Ví dụ, tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179 BLHS năm 2015). Một số tình tiết tăng nặng TNHS quy định ghép trong một điểm của khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 được tách ra và quy định thành các điểm riêng trong khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Ví dụ như các tình tiết: phạm tội 2 lần trở lên (điểm g); tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm (điểm h); dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội (điểm m); dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều

người để phạm tội (điểm n). Sửa tình tiết: “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” thành “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” (điểm o). Khác với các tình tiết giảm nhẹ, Tòa án không được coi các tình tiết khác là tình tiết tăng nặng TNHS. Ví dụ: Bị cáo quanh co, chối tội, không chịu nhận tội, không thành khẩn khai nhận tội, không ăn năn, hối cải hoặc không khai báo thì Tòa án không được coi đó là thái độ “ngoan cố” để tăng nặng TNHS đối với bị cáo. Về cơ bản, nội dung của các tình tiết tăng nặng TNHS đã được hướng dẫn tại điểm c Mục 5 hoặc Mục 6 của Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Theo quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015 thì có 15 tình tiết tăng nặng TNHS như sau:

2.1.1. Phạm tội có tổ chức (điểm a khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 cơ bản vẫn được giữ nguyên, do vậy nên hiểu: Phạm tội có tổ chức, là một hình thức đồng phạm, có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Trong đó mỗi người thực hiện một hoặc một số hành vi và phải chịu sự điều khiển của người cầm đầu. Phạm tội có tổ chức khác với tổ chức phạm tội. Ở BLHS năm 2015 đã quy định truy cứu TNHS đối với một tổ chức (pháp nhân). Vì vậy, không có khái niệm tổ chức phạm tội trong luật hình sự Việt Nam, mặc dù trong xã hội vẫn có thể có một tổ chức phạm tội dưới hình thức “Băng, Đàng” do một số người thành lập hoặc có sự cấu kết để hoạt động phạm tội. Tuy nhiên, khi truy cứu TNHS đối với hành vi phạm tội của các tổ chức này thì chỉ truy cứu từng cá nhân trong tổ chức đó. Ví dụ: Trong vụ án Khánh Trắng là một tổ chức hoạt động theo kiểu “xã hội đen” do Dương Văn Khánh cầm đầu thực hiện nhiều hành vi phạm tội trong một thời gian dài trên địa bàn thành phố Hà Nội (những năm thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI) và một số địa phương khác, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng chỉ truy cứu TNHS từng cá nhân trong tổ chức “Khánh Trắng” chứ không truy cứu “tổ chức Khánh Trắng”

Phạm tội có tổ chức khác với người tổ chức trong vụ án có đồng phạm, vì người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu chỉ huy việc thực hiện tội phạm, nói lên vai trò, nhiệm vụ của một người trong một vụ án có đồng phạm, còn phạm tội có tổ chức lại nói lên quy mô của tính chất, mức độ nguy hiểm mà tội phạm đó đã xảy ra. Tất nhiên phạm tội có tổ chức bao giờ cũng có người tổ chức (người cầm đầu),

nhưng không phải chỉ có người tổ chức mới bị áp dụng tình tiết tăng nặng này mà tất cả những người tham gia. Phạm tội có tổ chức cũng khác với hành vi tổ chức trong một số tội phạm như: Tổ chức tảo hôn (Điều 148 BLHS 1999, Điều 183 BLHS 2015), tổ chức đánh bạc (Điều 249 BLHS 1999, Điều 322 BLHS 2015), tổ chức người khác trốn đi nước người hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 275 BLHS 1999, Điều 349 BLHS 2015). Đối với các hành vi phạm tội này có thể có trường hợp phạm tội có tổ chức, nhưng không phải tất cả các hành vi phạm tội trên đều bị coi là phạm tội có tổ chức đều bị coi là phạm tội có tổ chức.

Ngoài việc nhà làm luật quy định tình tiết “phạm tội có tổ chức” là yếu tố định khung hình phạt đối với các tội phạm đã nêu ở trên, thì còn quy định tình tiết này là yếu tố định tội đối với các tội như: Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79 BLHS 1999, Điều 109 BLHS 2015); tội bạo loạn (Điều 82 BLHS 1999, Điều 112 BLHS 2015). Các trường hợp phạm tội này đều quy định tình tiết “phạm tội có tổ chức” là dấu hiệu định tội. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo phạm các tội này, Tòa án không được áp dụng tình tiết “phạm tội có tổ chức” là tình tiết tăng nặng đối với người phạm tội nữa.

Khi quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội có tổ chức, cần chú ý: Dù với vai trò nào thì tất cả những người trong vụ án đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng là "phạm tội có tổ chức". Tuy nhiên, mức độ tăng nặng nhiều hay ít đối với từng người còn tùy thuộc vào vai trò của họ trong vụ án như đã phân tích ở trên. Đối với vụ án có nhiều người tham gia và bị kết án về nhiều tội khác nhau thì cần phân biệt, tội phạm nào là trường hợp phạm tội có tổ chức, tội phạm nào chỉ là đồng phạm thông thường không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức; bị cáo nào phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” thì mới bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội có tổ chức”.

2.1.2. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (điểm b khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên, do vậy nên hiểu: Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là người phạm tội lấy việc phạm tội là nguồn sống chính cho mình. Khi áp dụng tình tiết tăng nặng này cần nghiên cứu hướng dẫn tại mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ- HĐTP là cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đó bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết

thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xoá án, đồng thời người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Khi áp dụng tình tiết này, cần lưu ý khái niệm chuyên nghiệp ở đây không đồng nghĩa với khái niệm nghề nghiệp của một người, vì không thể coi phạm tội là một nghề kiếm sống, tính chất chuyên nghiệp của hành vi phạm tội thể hiện ở chỗ tội phạm đó được lặp đi lặp lại nhiều lần mà người phạm tội coi việc phạm tội đó là phương tiện để kiếm sống. Ví dụ: A là kẻ lang thang không nghề nghiệp, thường tụ tập một số kẻ lưu manh chuyên ở bến xe khách, thường xuyên thực hiện hành vi trộm cắp để kiếm sống. Tuy nhiên không phải hành vi phạm tội nào cứ lặp đi lặp lại nhiều lần đều coi là có tính chất chuyên nghiệp, chỉ những hành vi phạm tội khi người vi phạm nhằm mục đích kiếm sống thì mới có tính chất chuyên nghiệp.

Phạm tội nhiều lần và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đều giống nhau ở chỗ, người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (từ 02 lần trở lên), nhưng khác nhau ở chỗ: Phạm tội nhiều lần, người phạm tội không lấy việc phạm tội làm phương tiện sống và họ chỉ phạm một tội, nhưng tội phạm đó được thực hiện nhiều lần; còn phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, người phạm tội có thể chỉ phạm một tội hoặc phạm nhiều tội với nhiều lần khác nhau, và lấy việc phạm tội đó làm phương tiện kiếm sống thường xuyên. Hiện nay, cũng có quan điểm cho rằng, đối với trường hợp một người chỉ phạm một tội, nhưng được thực hiện nhiều lần trong thời gian nhất định, mà hành vi đó được lặp đi lặp lại thì cũng phải coi là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp chứ không nhất thiết phải xác định người phạm tội phải lấy việc phạm tội làm phương tiện kiếm sống. Quan điểm này là chưa có cơ sở khoa học, vì cứ coi trường hợp phạm tội nhiều lần nào cũng là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp thì không thể lý giải được sự khác nhau giữa phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần.

2.1.3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội (điểm c khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên

Theo từ điển tiếng Việt: Chức là “Danh vị thể hiện cấp bậc, quyền hạn và trách nhiệm của một người trong hệ thống tổ chức của Nhà nước hay đoàn thể. “Có chức thì có quyền” - Chức vụ được hiểu là: “Nhiệm vụ tương ứng với chức”. Quyền

hạn được hiểu là: “Quyền được xác định về nội dung, phạm vi, mức độ. Quyết định trong phạm vi quyền hạn của mình” [52, tr. 185 và 786]; hoặc có thể hiểu: người có quyền hạn là người được quyền định đoạt và điều hành công việc trong phạm vi, mức độ được giao.

Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội là tội phạm xảy ra do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và hành vi phạm tội đó có liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của họ, nếu họ không có chức vụ, quyền hạn đó thì khó có thể thực hiện việc phạm tội; chức vụ, quyền hạn là điều kiện thuận lợi để người phạm tội thực hiện tội phạm một cách dễ dàng. Tuy nhiên người phạm tội có lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội thì mới bị coi là có tình tiết tăng nặng. Nếu tội phạm do họ thực hiện không có liên quan gì đến chức vụ, quyền hạn của họ thì dù họ có chức vụ, quyền hạn gì đi chăng nữa cũng không bị coi là có tình tiết tăng nặng này. Ví dụ như thủ quỹ và kế toán của công ty cấu kết với nhau dùng công quỹ để mua hàng hóa nhằm bán kiếm lời nhưng bị lỗ và thâm hụt quỹ của công ty thì họ bị coi là đã lợi dụng chức vụ để phạm tội. Nhưng nếu thủ quỹ và kế toán cùng nhau hùn vốn của riêng họ để mua hàng hóa bán kiếm lời nhưng bị lỗ thì những thiệt hại xảy ra họ phải gánh chịu và hành vi của họ không bị coi là tội phạm.

2.1.4. Phạm tội có tính chất côn đồ (điểm d khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên, do vậy nên hiểu: Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp khi phạm tội, người phạm tội đã rõ ràng coi thường các quy tắc trong cuộc sống, có những hành vi ngang ngược, càn quấy, bất chấp sự can ngăn của người khác, chỉ vì những duyên cớ nhỏ nhặt nhưng cũng cố tình gây sự để phạm tội. Tính chất côn đồ của hành vi phạm tội phụ thuộc vào cả hai yếu tố: Nhân thân người phạm tội và không gian, thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm. Khi xem xét nhân thân người phạm tội không chỉ xem xét quá khứ của họ mà phải xem xét cả tính cách, thái độ xử sự của họ trong cuộc sống hàng ngày. Thực tiễn xét xử cho thấy, không phải bao giờ người có nhiều tiền án, tiền sự khi phạm tội đều có tính chất côn đồ, mà không ít trường hợp, người phạm

tội chưa có tiền án, tiền sự nhưng hành vi phạm tội của họ lại mang tính chất côn đồ. Khi xem xét xác định trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ cần phải xem xét một cách toàn diện, không nên xem xét một cách phiến diện như chỉ nhấn mạnh đến yếu tố nhân thân hoặc chỉ nhấn mạnh đến địa điểm xảy ra vụ án hay chỉ nhấn mạnh đến hành vi cụ thể mà người phạm tội thực hiện. Tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ cũng là tình tiết định tội, hoặc định khung tăng nặng của một số tội như tội giết người (điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS, điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS 2015). Do đó, khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội này thuộc trường hợp có tính chất côn đồ thì cần chú ý không coi tình tiết này là tình tiết tăng nặng TNHS nữa.

2.1.5. Phạm tội vì động cơ đê hèn (điểm đ khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên, do vậy nên hiểu: Phạm tội vì động cơ đê hèn là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm với động cơ rất xấu xa, thấp hèn, đáng khinh bỉ, không kể gì đến danh dự, nhân phẩm, tư cách của một con người. Động cơ phạm tội mang tính hèn nhát, bội bạc, phản trắc, ích kỷ. Phạm tội vì động cơ đê hèn chủ yếu xảy ra đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và các tội xâm phạm đến các quyền tự do, dân chủ của công dân.

BLHS 1985 cũng quy định trường hợp phạm tội vì động cơ đê hèn là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, các toà án chỉ áp dụng tình tiết này đối với tội giết người, còn đối với các tội khác rất ít được áp dụng, mặc dù đối với nhiều loại tội phạm khác, người phạm tội cũng vì động cơ đê hèn, nên BLHS 1999 và BLHS 2015, ngoài việc quy định tình tiết “vì động cơ đê hèn” là tình tiết định khung của một số tội phạm, còn quy định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt. Đối với tội giết người vì động cơ đê hèn, thực tiễn xét xử đã coi những trường hợp giết người sau đây là giết người vì động cơ đê hèn: Giết vợ hoặc chồng để tự do lấy vợ hoặc lấy chồng khác; Giết chồng để lấy vợ hoặc giết vợ để lấy chồng nạn nhân; Giết người tình mà biết họ đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm làm cha đứa trẻ; Giết chủ nợ để trốn nợ; Giết thuê; Giết người để cướp của; Giết người là ân nhân của mình.

Việc xác định động cơ đê hèn của người phạm tội phải gắn với hành vi tội phạm mà người đó thực hiện. Tính chất đê hèn không phải ở hành vi phạm tội mà ở

động cơ phạm tội thuộc mặt chủ quan của cấu thành nên rất khó xác định. Do đó, khi người phạm tội không khai thật động cơ phạm tội của mình thì cần xem xét, đánh giá tất cả các tình tiết khách quan của vụ án, mối quan hệ gia đình và xã hội giữa người phạm tội với người bị hại và những người thân của người bị hại...Trên cơ sở đó mà xác định người thực hiện hành vi phạm tội thực hiện hành vi tội phạm có vì động cơ đê hèn hay không. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ xấu xa, bội bạc, phản trắc, ích kỷ đã thúc đẩy bị cáo phạm tội.

2.1.6. Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng (điểm e khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên, do vậy nên hiểu: Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là quyết tâm thực hiện ý định phạm tội của mình, mặc dù có sự can ngăn của người khác hoặc có những cản trở khác trong quá trình thực hiện tội phạm, thể hiện sự quyết tâm phạm tội cao, thực hiện bằng được tội phạm. Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là thể hiện quyết tâm phạm tội của người phạm tội, nên không phụ thuộc vào việc người phạm tội có đạt được mục đích phạm tội hay không. Có trường hợp, người phạm tội không đạt được mục đích vẫn có thể bị coi là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Ví dụ: Việc cưỡng ép, đe dọa, dụ dỗ giao cấu đối với con riêng của vợ nhiều lần nhưng bị kiên quyết phản đối, sau đó bị cáo lừa để giao cấu bằng được nhưng bị chống trả quyết liệt và hô hoán, mọi người đến cứu nên bị cáo chưa thực hiện được hành vi giao cấu. Có trường hợp, người phạm tội có quyết tâm thực hiện tội phạm nhưng lại không phải là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, vì trong quá trình thực hiện tội phạm, họ không bị sự cản trở nào, hoặc sự cản trở là không đáng kể. Ví dụ: A có ý định giết B bằng cách đầu độc. A ba lần sang nhà B để bỏ thuốc độc vào bình nước nhưng có đông người nên chưa thực hiện được. Đến lần thứ tư, lợi dụng lúc B xuống bếp đun nước, A bỏ thuốc độc vào bình nước làm cho gia đình B bị ngộ độc làm 2 người tử vong. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào quyết tâm thực hiện tội phạm và những cản trở mà kẻ phạm tội vấp phải. Nếu quyết tâm càng cao, cản trở càng lớn mà kẻ phạm tội vẫn cố tình thực hiện tội phạm thì mức độ tăng nặng càng nhiều.

2.1.7. Phạm tội 02 lần trở lên (điểm g khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” của BLHS năm 2015 đã được quy định rõ ràng số lần (02 lần) phạm tội

so với tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội nhiều lần” tách từ điểm g, khoản 1, BLHS năm 1999 về cơ bản không có gì khác nhau về nội dung.

Theo tác giả Đinh Văn Quế thì *"Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên như hai lần trộm cắp, hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ba lần chứa mại dâm, bốn lần tham ô... và mỗi lần thực hiện hành vi đã cấu thành một tội phạm độc lập nhưng tất cả các tội phạm đó đều bị xét xử trong cùng một bản án...; Phạm tội nhiều lần là người phạm tội có nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nhưng hành vi đó chỉ cấu thành một tội, xâm phạm đến cùng một khách thể trực tiếp và chưa đưa ra truy tố, xét xử..."* [28, tr. 293].

Theo tác giả Lê Văn Cẩm thì *"Phạm tội nhiều lần là phạm từ hai tội trở lên mà những tội ấy được quy định tại cùng một điều luật (hoặc tại cùng một khoản của điều luật) tương ứng trong phần riêng Bộ luật hình sự đồng thời đối với những tội ấy vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và người phạm tội vẫn chưa bị xét xử"* [8, tr. 390].

Tổng hợp các quan điểm trên: Phạm tội nhiều lần là phạm tội từ hai lần trở lên và mỗi lần thực hiện hành vi đã cấu thành một tội phạm độc lập nhưng tất cả các tội phạm đó đều bị xét xử trong cùng một bản án; Phạm tội nhiều lần là người phạm tội có nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nhưng hành vi đó chỉ cấu thành một tội, xâm phạm cùng một khách thể trực tiếp và chưa được đưa ra truy tố, xét xử. Ví dụ: trường hợp biển thủ công quỹ nhiều lần để đánh đề. Nếu nhiều lần phạm tội mà mỗi lần đó lại cấu thành tội phạm khác nhau thì không phải là phạm tội nhiều lần mà là phạm nhiều tội. Phạm nhiều tội không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, vì khi quyết định hình phạt, toà án tổng hợp hình phạt đối với từng tội và quyết định một hình phạt chung, nếu coi trường hợp phạm nhiều tội cũng như là phạm tội nhiều lần thì tội phạm nào người phạm tội cũng bị tăng nặng, như vậy là làm bất lợi cho người phạm tội hai lần về cùng một hành vi phạm tội. Phạm tội nhiều lần khác phạm tội liên tục ở chỗ: Phạm tội liên tục, là do một loạt hành vi phạm tội cùng loại, xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian tạo thành, nhằm đạt tới mục đích phạm tội. Trong một loạt hành vi ấy, có hành vi đã là tội phạm, có hành vi chưa phải là tội phạm. Nhưng đó là tội phạm thống nhất. Ví dụ: Tội hành hạ người khác, có thể có trường hợp bị cáo phạm tội liên tục do hàng loạt những hành vi đối xử với người lệ

thuộc mình, nhưng trong đó có hành vi chưa cấu thành tội phạm mà phải tổng hợp những hành vi đó thì mới là tội phạm. Việc xác định một người phạm tội nhiều lần cần chú ý những trường hợp sau:

- Nếu hành vi của người phạm tội đã bị xử lý, không kể bị xử lý bằng hình thức gì như: Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, thì không tính lần phạm tội đó vào lần phạm tội sau để coi bị cáo phạm tội nhiều lần. Ví dụ: trường hợp một người phạm tội cố ý gây thương tích bị xử phạt vi phạm hành chính, sau đó lại phạm tội cố ý gây thương tích, bị truy tố, xét xử thì không coi là phạm tội nhiều lần.

- Trường hợp hành vi phạm tội đã được Viện kiểm sát miễn tố hoặc không truy tố cùng với tội được đưa ra xét xử, hoặc tách thành một vụ án khác thì cũng không coi là phạm tội nhiều lần.

2.1.8. Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm (điểm h khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm” của BLHS năm 2015 được tách ra từ điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 về nội dung cơ bản không có sửa đổi.

2.2.8.1. Tái phạm

Là trường hợp đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý (Khoản 1 điều 49 BLHS 1999, Khoản 1 Điều 53 BLHS năm 2015).

Khái niệm về tái phạm theo bộ luật hình sự 2015 có những đặc điểm sau:

- Tội phạm đã bị kết án là một tội phạm bất kỳ được quy định trong Bộ luật hình sự, không nhất thiết phải là tội cùng loại, cùng tính chất với tội đang bị xét xử, không phân biệt tội đó là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng, tội đó được thực hiện do vô ý hay cố ý.

- Người phạm tội đã bị kết án là người đã bị kết án bởi Tòa án của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Tòa án của nước khác mà giữa hai nước có ký hiệp định về tư pháp (những người bị Tòa án Hoa Kỳ, Tòa án chế độ nguy quyền kết án trước đây không bị coi là người có án tích).

- Tội phạm mà người phạm tội trước đó đã bị kết án, không phân biệt họ bị áp dụng hình phạt gì trong hệ thống hình phạt, kể cả trường hợp họ được miễn hình phạt, vì miễn hình phạt cũng là bị kết án về một tội phạm nào đó nhưng vì họ có

nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự. Quy định này hoàn toàn giống với BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 chỉ quy định người phạm tội đã bị phạt tù, còn các loại hình phạt khác như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ thì không được tính để coi lần phạm tội sau là tái phạm. Cũng do quy định như vậy nên về lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử không lý giải được trường hợp người bị kết án tử hình chưa được thi hành thì phạm tội mới, vậy có tính để coi lần phạm tội sau khi bị kết án tử hình là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm hay không. Do đó, quy định như BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 là “đã bị kết án” là khoa học và chính xác hơn.

Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà bị cáo đã bị xử phạt cũng như tội phạm mà bị cáo đang bị xét xử.

2.1.8.2. Tái phạm nguy hiểm:

Là trường hợp đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, hoặc tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý (điểm a, b khoản 2 Điều 49 BLHS năm 1999 hoặc điểm a, b khoản 2 BLHS năm 2015). So với trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 49 BLHS năm 1999, thì BLHS năm 2015 không có gì thay đổi. Như vậy, tái phạm nguy hiểm theo BLHS năm 1999 hoặc BLHS năm 2015 có những đặc điểm sau:

- Đã hai lần phạm tội đều là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, hoặc một trong hai lần đó là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, trong đó có một lần đã bị kết án.

- Đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý, không phân biệt đó là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hay tội đặc biệt nghiêm trọng.

Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất tái phạm và tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà bị cáo thực hiện. Nếu đã tái phạm nguy hiểm mà lại tái phạm nguy hiểm nữa thì mức tăng nặng phải nhiều hơn. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào số lần phạm tội của bị cáo truy tố, xét xử và mức độ nghiêm trọng của tội phạm mà mỗi lần bị cáo thực hiện.

2.1.9. Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên (điểm i khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 đã quy định rõ các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự sau: Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên (trước đây, quy định phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai và người già).

2.1.9.1. Phạm tội với người dưới 16 tuổi

Theo Điều 1 Luật trẻ em năm 2016 thì người dưới 16 tuổi là trẻ em [33, tr.1].

Phạm tội với trẻ em là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác mà trẻ em có theo quy định của pháp luật; Phạm tội với trẻ em được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không chỉ xuất phát từ quan điểm bảo vệ trẻ em là bảo vệ tương lai của đất nước, bảo vệ lớp người kế thừa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà còn là những người không có khả năng tự vệ. Tình tiết “phạm tội đối với trẻ em” không chỉ là tình tiết tăng nặng TNHS mà trong nhiều trường hợp nó là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt. Vì vậy, khi BLHS quy định tình tiết này là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt, thì không được coi là yếu tố tăng nặng khi quyết định hình phạt nữa. Khi áp dụng tình tiết này cần chú ý một số điểm như sau:

- Việc xác định tuổi của người bị tội phạm tác động được coi là trẻ em là một yêu cầu bắt buộc hết sức quan trọng của các cơ quan tiến hành tố tụng. Quá trình chứng minh tuổi của người bị tội phạm xâm hại là trẻ em có thể bao gồm: bản sao giấy khai sinh, nếu không có giấy khai sinh thì phải có các tài liệu chứng minh là người chưa đến 16 tuổi. Thậm chí có những trường hợp đã có giấy khai sinh rồi nhưng vẫn chưa khẳng định được tuổi chính xác của người bị tội phạm xâm hại thì cần phải có sự giám định nếu có một trong các bên yêu cầu giám định tuổi hoặc khiếu nại về tuổi của nạn nhân; vì có những trường hợp tuy đã có giấy khai sinh nhưng vẫn chưa chính xác về tuổi của người bị tội phạm xâm hại, làm cho việc xét xử vụ án không sát thực và không đúng đắn.

- Phạm tội với trẻ em không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội mà là tình tiết khách quan, do đó không cần phải người phạm tội nhận thức được hoặc buộc họ phải nhận thức được đối tượng mà mình xâm phạm là trẻ

em thì mới coi là tình tiết tăng nặng, mà chỉ cần xác định người mà phạm tội xâm phạm là trẻ em thì người phạm tội đã bị coi là phạm tội đối với trẻ em rồi. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào độ tuổi của nạn nhân. Nếu trẻ càng ít tuổi thì sự kháng cự càng yếu ớt thì mức tăng nặng càng nhiều.

2.1.9.2. Phạm tội với phụ nữ có thai

Phạm tội với phụ nữ có thai là trường hợp phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và các quyền khác của người phụ nữ có thai. Nếu như điều 46 BLHS 1999 hoặc điều 51 BLHS 2015, người phạm tội là phụ nữ có thai thì họ được giảm nhẹ TNHS, thì ở đây người bị hại là phụ nữ có thai lại là tình tiết tăng nặng đối với người phạm tội. Như vậy, người phụ nữ có thai là đối tượng được pháp luật đặc biệt bảo vệ. Cũng như trường hợp phạm tội đối với trẻ em, phạm tội đối với phụ nữ có thai không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội, nên không yêu cầu người phạm tội phải biết người mà mình xâm phạm đang mang thai thì mới coi là tình tiết tăng nặng. Phạm tội đối với phụ nữ có thai cũng có trường hợp là yếu tố định khung hình phạt, như tại điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng chủ yếu là tình tiết tăng nặng. Do vậy khi áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với người phạm tội cần chú ý một số điểm sau:

- Người phụ nữ đang có thai, không kể cái thai đó đang ở tháng thứ mấy.
- Việc xác định người phụ nữ có thai hay không nhất thiết phải do giám định viên hoặc bác sĩ chuyên khoa.
- Chỉ áp dụng tình tiết này đối với các tội xâm phạm đến phụ nữ có thai khi hành vi của người phạm tội trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường của thai nhi.

2.1.9.3. Phạm tội với người đủ 70 tuổi trở lên

Tại tiểu mục 2.4 mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12.5.2006 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, quy định: Người già được xác định là người từ 70 tuổi trở lên. Do vậy Phạm tội với người đủ 70 tuổi trở lên, là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quyền khác của người già.

2.1.10. Phạm tội với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc vào mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác (điểm k khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội với người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng” của BLHS năm 2015 là những điểm mới so với tình tiết tăng nặng TNHS của BLHS năm 1999 còn những tình tiết còn lại cơ bản là giống nhau.

2.1.10.1. Phạm tội với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được

Người trong tình trạng không có hoặc bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; bị bệnh tật; đang ngủ say, đang ở trong tình thế không chống đỡ được, không tự vệ được...

Đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già cũng có trường hợp ở trong tình trạng không thể tự vệ được, nhưng pháp luật đã quy định thành tình tiết tăng nặng riêng. Trong trường hợp cụ thể nào đó mà trẻ em, phụ nữ có thai hoặc người già bị xâm phạm trong tình trạng không thể tự vệ được thì mức tăng nặng hình phạt đối với người phạm tội nhiều hơn trường hợp không phải tình trạng này. Khi xác định người phạm tội có phải chịu tình tiết tăng nặng này không, Tòa án cần phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chứ không chỉ căn cứ vào khả năng không tự vệ được của nạn nhân mà đã vội kết luận là bị cáo đã phạm tội trong trường hợp tăng nặng này. Tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân phải xảy ra lúc người phạm tội thực hiện tội phạm, không kể người phạm tội có ý thức lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân để phạm tội hay không. Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào khả năng tự vệ của nạn nhân nhiều hay ít. Nếu khả năng tự vệ hoàn toàn bị mất thì mức độ tăng nặng nhiều hơn trường hợp nạn nhân còn ít khả năng tự vệ nhưng vẫn không tự vệ được.

2.1.10.2. Phạm tội với người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng

- Người khuyết tật nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất một phần hoặc suy giảm chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được một số hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc.

- Người khuyết tật đặc biệt nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất hoàn toàn chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được các hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc hoàn toàn.

Phạm tội với người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và các quyền khác của người khuyết tật. Người khuyết tật mặc dù là một trong những nhóm người dễ bị tổn thương như đã phân tích ở trên nhưng lại chưa được quan tâm bảo vệ một cách xứng đáng, trong khi đó cả ba nhóm người phụ nữ có thai, trẻ em và người già đều được pháp luật hình sự bảo vệ bằng các quy định về tình tiết tăng nặng “phạm tội đối với phụ nữ có thai, trẻ em, người già” cũng như tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội là phụ nữ có thai, trẻ em, người già” hay quy định là tình tiết định khung tăng nặng của một số tội phạm. Điều này đã dẫn đến tình trạng trong những năm vừa qua con số những người khuyết tật bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, tài sản hoặc thậm chí bị xâm hại về tình dục... ngày một gia tăng.

Với việc bổ sung tình tiết phạm tội đối với người khuyết tật, BLHS đã nâng cao hơn nữa việc bảo vệ quyền của người khuyết tật đồng thời cũng thể hiện sự tương thích với Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật, tương thích với Luật người khuyết tật về các hành vi đối xử với người bị khuyết tật bị cấm. Cụ thể là dấu hiệu “phạm tội đối với người bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng” được coi là dấu hiệu định khung tăng nặng của một số tội. Bên cạnh đó dấu hiệu “phạm tội đối với người bị khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng” cũng được coi là một tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm k, khoản 1, điều 52, BLHS năm 2015. Với việc bổ sung thêm tình tiết tăng nặng mới này, BLHS cho phép áp dụng tình tiết này để xác định mức độ TNHS đối với mọi tội phạm, mọi hành vi phạm tội mà có xâm hại đến người khuyết tật cho dù người phạm tội biết hay không biết người mà mình xâm hại là người khuyết tật. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã mở rộng phạm vi bảo vệ quyền của người khuyết tật dưới góc độ pháp luật hình sự bằng việc quy định thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để áp dụng cho mọi tội phạm. Không những thế, đối với người phạm tội là người khuyết tật, BLHS cũng coi đó là

một trường hợp chủ thể phạm tội phải được hưởng chính sách nhân đạo của Nhà nước bằng việc qui định là tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm p, khoản 1, điều 51, BLHS năm 2015.

2.1.10.3. Phạm tội với người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc vào mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác

Phạm tội với người lệ thuộc về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác là trường hợp người phạm tội xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và các quyền khác của người bị lệ thuộc mình về mặt vật chất công tác hay các mặt khác. Dấu hiệu đặc trưng của tình tiết này là mối quan hệ lệ thuộc giữa người phạm tội và người bị hại, trong đó người bị hại là người bị lệ thuộc vào người phạm tội. Sự lệ thuộc này có thể là lệ thuộc về mặt vật chất như người làm công với ông chủ... cũng như có thể lệ thuộc về mặt công tác như nhân viên với thủ trưởng hoặc lệ thuộc các mặt khác như học sinh với thầy giáo, thầy thuốc với bệnh nhân. Sự lệ thuộc này phải có tính chất rõ nét, có sự ràng buộc giữa người phạm tội với người bị hại, nếu không có sự ràng buộc này thì không thuộc trường hợp này. Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này tùy thuộc vào mối quan hệ lệ thuộc giữa nạn nhân với bị cáo và vào nghĩa vụ của bị cáo đối với nạn nhân. Nếu mối quan hệ càng sâu sắc, nghĩa vụ của bị cáo đối với nạn nhân càng lớn thì mức tăng nặng càng nhiều và ngược lại.

2.1.11. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội (điểm l khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên, do vậy, nên hiểu:

2.1.11.1. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội

Người phạm tội đã lợi dụng hoàn cảnh có chiến tranh để thực hiện tội phạm. Việc thực hiện tội phạm do lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh có thể được thuận lợi hơn, khó bị phát hiện hoặc có thể đạt được mục đích lớn hơn; Người phạm tội phải thật sự lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để phạm tội thì mới được coi là tình tiết tăng nặng. Nếu họ phạm tội trong lúc đang có chiến sự nhưng không có ý thức lợi dụng hoàn cảnh đó thì cũng không thuộc trường hợp này. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh

để phạm tội không nhất thiết lúc phạm tội hoặc nơi phạm tội phải đang có chiến sự mà chỉ cần người phạm tội lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để gây án dù xảy ra ở đâu, lúc nào vẫn bị coi là tăng nặng TNHS.

2.1.11.2. Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội

Người phạm tội đã lợi dụng tình trạng khẩn cấp trong đời sống xã hội để thực hiện hành vi phạm tội. Tình trạng khẩn cấp là tình trạng cấp bách của xã hội và của cá nhân mỗi người, khi ở trong tình trạng đó mọi người đều tập trung vào việc giải quyết, cứu chữa kịp thời, nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng đó. Tình trạng khẩn cấp này không phải do thiên tai, địch hoạ hoặc do dịch bệnh gây nên mà do chính con người hoặc do hoàn cảnh xã hội, do cuộc sống gây nên như: Do bị tai nạn, bị hỏa, hoạn, bị cấp cứu vì bị bệnh hiểm nghèo... Tình trạng này chỉ xảy ra chốc lát, trong một thời gian nhất định, không kéo dài. Lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội, xét về mặt đạo đức cần phải lên án, vì trong tình trạng đó mọi người tập trung vào việc giải quyết hậu quả, cứu chữa người bị nạn thì người phạm tội lại lợi dụng để thực hiện tội phạm chứng tỏ động cơ, mục đích rất xấu, cần phải trừng trị. Khi xác định người phạm tội có lợi dụng tình trạng khẩn cấp để thực hiện hành vi phạm tội hay không phải xem họ thực hiện hành vi phạm tội trong một hoàn cảnh nào và hoàn cảnh đó có thật sự là tình trạng khẩn cấp hay không, đồng thời phải xác định người phạm tội phải lợi dụng tình trạng khẩn cấp đó để thực hiện tội phạm thì mới bị coi là "lợi dụng tình trạng khẩn cấp để phạm tội". Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào ý thức lợi dụng và tính chất mức độ của hành vi phạm tội khi lợi dụng tình

2.1.11.3. Lợi dụng hoàn cảnh thiên tai để phạm tội

Người phạm tội đã lợi dụng thiên tai để thực hiện tội phạm. Thiên tai là những tai hoạ do thiên nhiên gây ra, thiên tai bao giờ cũng gây ra nhưng khó khăn cho xã hội. Những khó khăn này phải đáng kể nếu không nói là đặc biệt, như bị bão lụt, bị động đất. Người phạm tội phải thực sự lợi dụng những khó khăn do thiên tai gây nên để phạm tội thì mới bị coi là tình tiết tăng nặng. Ví dụ: Trong đợt lũ ống ở huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái năm 2017, một số người đã lợi dụng tình hình bão lụt để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, của Nhân dân; lợi dụng việc chuyển hàng cứu trợ cho đồng bào Miền trung để chuyển trở hàng cấm, hàng lậu, lợi dụng

những khó khăn do bão lụt gây ra để mua vét hàng hóa bán với giá rất cao nhằm trục lợi. Mức độ tăng nặng TNHS tình tiết này phụ thuộc vào mức khó khăn nhiều hay ít do thiên tai gây ra và ý thức lợi dụng của người phạm tội đối với khó khăn đó.

2.1.11.4. Lợi dụng dịch bệnh để phạm tội

Người phạm tội đã lợi dụng những khó khăn do dịch bệnh gây nên để thực hiện tội phạm. Dịch bệnh là một bệnh truyền nhiễm tràn lan, làm cho nhiều người, nhiều gia súc mắc phải, trong đó có thể có những bệnh nguy hiểm như HIV, dịch hạch, dịch tả nhưng cũng có những bệnh không nguy hiểm như dịch cúm, dịch sốt rét... Người phạm tội lợi dụng dịch bệnh để phạm tội chủ yếu đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường, cá biệt cũng có trường hợp người phạm tội lợi dụng dịch bệnh để xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác như tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 117 BLHS năm 1999 hoặc Điều 148 BLHS năm 2015), tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 118 BLHS năm 1999 hay điều 149 BLHS năm 2015). Mức độ tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và mức độ của hành vi lợi dụng dịch bệnh để thực hiện hành vi phạm tội của người phạm tội.

2.1.11.5. Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội

Ngoài khó khăn thiên tai, dịch họa, dịch bệnh gây nên, còn có những khó khăn đặc biệt khác. Những khó khăn này, có thể xảy ra ở từng nơi, vào từng lúc. Có thể xảy ra ở một địa bàn rộng, nhưng cũng có thể xảy ra ở một làng, một xã, một cơ quan, xí nghiệp trường học v.v.. Khó khăn đặc biệt, thể hiện ở mức độ và phạm vi gây thiệt hại đến người và tài sản. Việc khắc phục đòi hỏi phải tập trung sức người, sức của và phải kịp thời, cấp bách như: tai nạn máy bay, tàu biển, tàu hoả, sập cầu... gây chết nhiều người, hư hại nhiều tài sản, những khó khăn đặc biệt do công tác quản lý Nhà nước, quản lý xã hội gây nên mà nhà làm luật chưa dự tính được. Người phạm tội phải có ý thức lợi dụng những khó khăn đặc biệt của xã hội để phạm tội thì mới coi là tình tiết tăng nặng. Nếu không có sự lợi dụng thì không thuộc tình tiết tăng nặng này. Mức độ tăng nặng TNHS ở tình tiết này là phụ thuộc vào mức độ lợi dụng nhiều hay ít và khó khăn cụ thể của xã hội lúc họ thực hiện tội phạm.

2.1.12. Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội (điểm m khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên, do vậy, nên hiểu:

2.1.12.1. Thủ đoạn tinh vi trong khi phạm tội

Người phạm tội có những biểu hiện hết sức phức tạp, cách thức, kín đáo, tinh vi tinh xảo, khó mà nhận ra làm cho người bị hại hoặc những người khác khó thấy được để họ thực hiện hành vi phạm tội.

2.1.12.2. Dùng thủ đoạn xảo quyệt trong khi phạm tội

Người phạm tội có những mảnh khoé, cách thức gian dối, thâm hiểm làm cho người bị hại hoặc những người khác khó lường thấy được để đề phòng. Ví dụ: giả vờ nấu hộ cơm, múc hộ nước để bỏ thuốc độc vào cơm, vào nước để nạn nhân ăn cơm hoặc uống nước đó, hoặc giả vờ âu yếm người vợ hoặc tình nhân rồi bóp cổ nạn nhân chết v.v..

2.1.12.3. Dùng thủ đoạn tàn ác trong khi phạm tội

Người phạm tội có những mảnh khoé, cách thức độc ác một cách tàn nhẫn, hoặc gây tác hại cho hàng loạt người không chút thương xót như: tra tấn cho tới chết; giết người bằng cách mổ bụng, moi gan, khoét mắt, cắt cổ hoặc bắn vào chỗ đông người, ném lựu đạn vào nơi mọi người trong gia đình đang quây quần bên mâm cơm.

2.1.13. Dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội (điểm n khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên, do vậy, nên hiểu:

Thủ đoạn mà người phạm tội thực hiện chỉ cần có khả năng gây nguy hại cho nhiều người đã bị coi là tình tiết tăng nặng rồi, không cần sự nguy hại đó có thực sự xảy ra hay không. Ví dụ: Để đầu độc một người, kẻ phạm tội đã bỏ thuốc độc xuống giếng nước uống của gia đình người này, nhưng gia đình của nạn nhân đã phát hiện nên không ai bị ngộ độc. Dùng thủ đoạn, phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người là thủ đoạn mà người phạm tội sử dụng khi thực hiện tội phạm có khả năng gây nguy hại cho nhiều người đã bị coi là tình tiết tăng nặng, không cần gây

hậu quả nguy hại có xảy ra trên thực tế hay không. Ví dụ: cho thuốc độc vào nồi com... Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự cấu thành tội này tùy thuộc vào mức độ nguy hại của thủ đoạn mà người phạm tội đã thực hiện và khả năng thực tế cũng như hậu quả xảy ra. Thủ đoạn càng nguy hiểm, hậu quả xảy ra càng lớn thì mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự càng nhiều và ngược lại.

2.1.14. Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội (điểm o khoản 1 Điều 52)

Theo quy định định thì tình tiết tăng nặng TNHS “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” của BLHS năm 2015 được quy định rõ ràng và cụ thể so với tình tiết tăng nặng TNHS điểm n, khoản 1, BLHS năm 1999. Xúi giục người dưới 18 tuổi là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội, chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và tinh thần, chưa có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý như người đã 18 tuổi. Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội là hành vi của một người đã kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm. Người xúi giục có thể tham gia trong một vụ án có tổ chức hoặc chỉ phạm tội riêng lẻ. Ví dụ: một người muốn giết người khác bằng thuốc độc. Họ đã dụ dỗ một em 13 tuổi bỏ thuốc độc vào thức ăn của người mà họ định giết. Vì người phạm tội chưa đến tuổi chịu TNHS nên người xúi giục được coi như kẻ thực hành tội phạm và hành vi phạm tội của họ vẫn bị coi là tăng nặng trong tình tiết này. Nếu người bị xúi giục là người dưới 18 tuổi nhưng đã đến tuổi chịu TNHS thì tùy thuộc vào từng trường hợp có thể là người cầm đầu hoặc chỉ là người xúi giục. Nếu người xúi giục lại phạm tội có tổ chức thì họ phải chịu cả hai tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội. Mức tăng nặng của tình tiết này phụ thuộc vào số người bị xúi giục và độ tuổi bị xúi giục.

2.1.15. Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm (điểm p khoản 1 Điều 52)

So với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 vẫn được giữ nguyên, do vậy nên hiểu: Hành động xảo quyệt là những việc làm gian dối một cách thâm hiểm, khó mà lường thấy được; Hành động hung hãn là kẻ phạm tội có hành vi rất dữ tợn, phá phách, đánh chết người để tẩu thoát; Hành động xảo quyệt hoặc hung hãn của bị cáo là nhằm mục đích trốn tránh, che giấu tội phạm. Những hành động này cản trở hoạt động tư pháp của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, làm cho tội phạm mà bị

cáo thực hiện khó bị phát hiện hoặc có nguy cơ khó phát hiện. Ví dụ, sau khi giết người, can phạm đã bịt mắt nạn nhân làm nạn nhân bị biến dạng không ai nhận ra nữa, hoặc chôn nạn nhân đem cất giấu một nơi. Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất và mức độ xảo quyệt, hung hãn mà bị cáo thực hiện sau khi phạm tội. Ngoài các tình tiết trên, Tòa án không được xem các tình tiết nào khác để coi là tình tiết tăng nặng TNHS khi quyết định hình phạt. Đây cũng là một đặc điểm khác với các tình tiết giảm nhẹ.

BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 không còn quy định tình tiết này là tình tiết tăng nặng, do đó khi quyết định hình phạt, Tòa án không được coi trường hợp đang chấp hành hình phạt mà phạm tội là tình tiết tăng nặng nữa. Việc nhà làm luật không quy định tình tiết này là tình tiết tăng nặng là hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc xử lý, bởi vì một người đang chấp hành hình phạt là người đã bị kết án, nếu phạm tội mới trong khi chấp hành hình phạt cũng tức là đã tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, nếu lại coi là tình tiết tăng nặng nữa tức là một hành vi phạm tội phải chịu xử lý hai lần.

2.2. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2017

2.2.1. Khái quát tình hình xét xử các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2017

Tòa án nhân dân thị xã Bình Long thành lập ngày 11.8.2009 cùng với ngày thị xã Bình Long được thành lập theo Nghị Quyết số 35/NQ-CP ngày 11.8.2009 trên cơ sở chia tách huyện Bình Long thành thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản. Tổng diện tích 126,29 km² với 57.590 nhân khẩu; có 06 đơn vị hành chính, trong đó 04 phường: Phường An Lộc, phường Phú Thịnh, phường Phú Đức, phường Hưng Chiến và 2 xã: Xã Thanh Lương và xã Thanh Phú. Hiện nay trên địa bàn thị xã có 12 dân tộc anh em cùng sinh sống gồm: Kinh, Tày, Mông, Khome, Hoa, Nùng, Êđê, San Chay, Chăm, Stiêng, Tà Ôi.

Từ ngày đầu thành lập với 09 cán bộ công chức danh lãnh đạo có 01 chánh án và 01 Phó chánh án, trong đó 4 Thẩm phán và 3 thư ký, 01 kế toán và 01 văn thư. Trải qua 09 năm hình thành và phát triển, hiện nay đơn vị đã có 10 cán bộ công chức gồm 05 Thẩm phán, 04 Thư ký và 01 nhân viên kế toán. Mặc dù là đơn

vị mới thành lập và còn khó khăn nhiều mặt: Về cơ sở vật chất, năng lực chuyên môn nghiệp ... nhưng được sự chỉ đạo của TAND tỉnh Bình Phước, cũng như sự quan tâm của Thị ủy, chính quyền thị xã Bình Long, cùng với sự phấn đấu, nỗ lực của toàn thể cán bộ, công chức, trong năm 05 qua (2013-2017), TAND thị xã Bình Long đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trong đó năm 2013 và 2014 TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đạt danh hiệu thi đua Tập thể lao động xuất sắc, năm 2014 được Chánh án TAND tối cao tặng Bằng khen, các năm 2015, 2016 và 2017 liên tục ba năm liền đạt danh hiệu Cờ thi đua Tòa án nhân dân. Để đạt được những thành tích như trên, cấp ủy cũng như ban lãnh đạo đơn vị cùng tập thể cán bộ công chức và người lao động đã đoàn kết, chung lòng, chung sức, phấn đấu không ngừng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đề ra, hết lòng, hết sức “*phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân*” trên tinh thần “*phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư*”, cụ thể công tác thụ lý giải quyết xét xử án hình sự, áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS đã đạt được như sau:

Theo Báo cáo tổng kết công tác của TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, từ năm 2013 đến năm 2017 tình hình xét xử án hình sự của TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước được thể hiện qua bảng tổng hợp sau:

Bảng 2.1. Kết quả thụ lý, xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (2013 – 2017)

Đơn vị: Vụ/bị cáo

Năm	Số vụ	Số bị cáo	Ghi chú
2013	53	115	
2014	63	128	
2015	52	78	
2016	58	88	
2017	36	62	
Tổng số	262	471	

(Nguồn: Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước) [40]

Qua bảng số liệu thống kê trên cho thấy, trong thời gian 5 năm (từ 2013 đến 2017), TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đã xét xử 262 vụ/471 bị cáo. Số

vụ án mà TAND thị xã Bình Long xét xử có chiều hướng giảm mạnh từ năm 2013 đến năm 2017 (năm 2013 là 53 vụ/115 bị cáo năm 2017 là 36 vụ/62 bị cáo). Năm 2014 xét xử nhiều nhất với 63 vụ/128 bị cáo, năm 2017 xét xử ít nhất với 36 vụ án và 62 bị cáo, giảm 27 vụ/ 66 bị cáo (giảm 42,9,5% số vụ án và giảm 51,6% bị cáo).

Trong giai đoạn 2015-2017 số lượng án hình sự do Tòa án thụ lý xét xử có chiều hướng giảm dần so khác hẳn với giai đoạn năm 2013-2014 (là giai đoạn tăng về từ 53 vụ lên 63 vụ); Phần lớn nguyên nhân của việc giảm nhanh số lượng án hình sự ở giai đoạn 2015-2017 là do sự thay đổi của chính sách pháp luật hình sự: Theo quy định của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự đối với các loại tội phạm về đánh bạc có sự thay đổi định từ 2 triệu đồng lên 5 triệu đồng và những loại tội phạm về tham nhũng, chức vụ cũng có sự thay đổi lớn ví dụ như đối với tội phạm Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ thì lợi ích vật chất được xác định có giá trị ở mức từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp (gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương XXI BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009), chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Tuy nhiên kể từ năm 2014 khi dự thảo BLHS năm 2015 bắt đầu được xây dựng thì các nhà làm luật đã nâng mức gây thiệt hại lên từ 10 triệu đồng thì về cấu thành cơ bản của tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ đã có sự thay đổi, nên trong những năm qua do sự tác động của chính sách hình sự thay đổi nên các cơ quan tiến hành tố tụng Công an - Viện kiểm sát -Tòa án rất cẩn trọng trong việc áp dụng chính sách hình sự nói chung và việc áp dụng pháp luật hình sự đối với các loại tội phạm Trộm cắp tài sản, Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, vận chuyển hàng cấm, buôn bán hàng cấm (thuốc lá điếu, pháo nổ), đánh bạc và tham nhũng chức vụ.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2017

Nghiên cứu 262 bản án hình sự, tiến hành thống kê cho thấy kết quả thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS của TAND thị xã Bình Long giai đoạn 2015-2017 được thể hiện cụ thể qua bảng số liệu 2.2 như sau:

Bảng 2.2. Kết quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS tại TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2017

Đơn vị: Bị cáo

Năm	Tổng số bị cáo đã xét xử	Số bị cáo bị áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS	Ghi chú
2013	115	45	
2014	128	50	
2015	78	31	
2016	88	35	
2017	62	29	
Tổng số	471	190	

(Nguồn: Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước) [40]

Với tổng số 190 bị cáo bị TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước áp dụng các tình tiết tăng TNHS khi xét xử, chiếm tỷ lệ 40,3% trên tổng số 471 bị cáo bị xét xử trong 05 năm qua (2013-2017). Như vậy tính trung bình mỗi năm TAND thị xã Bình Long sẽ áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS đối với 38 bị cáo, trong đó số lượng các tình tiết tăng nặng TNHS được áp dụng tương ứng với hành vi nguy hiểm của tội phạm được thể hiện ở Bảng 2.3, cụ thể như sau:

Bảng 2.3. Kết quả áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS tại TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2017

Đơn vị: Bị cáo

Các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS 1999	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
Điểm a	2	3	2	1	1	
Điểm b	4	5	3	4	3	

Điểm c	1	1	1	1	0	
Điểm d	2	1	2	0	2	
Điểm đ	1	2	0	1	0	
Điểm e	1	1	0	0	0	
Điểm g	26	28	21	23	19	
Điểm h	1	1	0	2	1	
Điểm i	0	0	0	0	0	
Điểm k	0	1	0	0	0	
Điểm l	0	0	0	0	0	
Điểm m	1	2	0	0	0	
Điểm n	5	5	2	3	3	
Điểm o	1	0	0	0	0	
Tổng số	45	50	31	35	29	

(Nguồn: Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước) [40]

Qua bảng số liệu trên cho thấy giai đoạn 2012 - 2017, các tình tiết tăng nặng TNHS được áp dụng phổ biến nhất tại TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước là các tình tiết tăng nặng TNHS phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm và xúi giục người chưa thành niên phạm tội. Các tình tiết này thường được áp dụng đối với các tội “Cố ý gây thương tích”, “Mua, bán trái phép chất ma túy” và tội phạm về xâm phạm sở hữu. Trong đó, tăng suất áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) chiếm đến 62% (117/190) so với các tình tiết tăng nặng TNHS khác. Một phần vì trong một điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đã quy định đến 3 tình tiết tăng nặng TNHS, gồm: Phạm tội nhiều lần, Tái phạm, Tái phạm nguy hiểm [30].

2.2.2.1. Một số kết quả đạt được trong áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về cơ bản trong giai đoạn 2013-2017 việc xét xử các VAHS tại TAND thị xã Bình Long trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng các tình

tiết tăng nặng TNHS nói riêng, TAND thị xã Bình Long đã nhận thức và xác định đúng các quy phạm pháp luật nội dung cần áp dụng để xác định tội danh; quyết định hình phạt và áp dụng các biện pháp tư pháp chính xác. HĐXX đã thận trọng, tỷ mỉ trong nghiên cứu, xem xét, đánh giá các chứng cứ, tình tiết của vụ án và thực hiện đúng các quy trình, nguyên tắc áp dụng pháp luật. Nhờ vậy, đa số các bản án, quyết định của Tòa án đều bảo đảm có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo Báo cáo tổng kết công tác giai đoạn 2013-2017 của TAND thị xã Bình Long, thì trong 05 cơ quan đã xét xử sơ thẩm hình sự 262 vụ/471 bị cáo (như đã nêu ở Bảng 2.1). Về chất lượng xét xử: sửa do lỗi chủ quan 03 vụ 07 bị cáo, sửa do lỗi khách quan 06 vụ 09 bị cáo; hủy do lỗi chủ quan 01 vụ 01 bị cáo”. Thực tiễn trong công tác xét xử của TAND thị xã Bình Long đã tuân thủ các nguyên tắc của BLHS nói chung và nguyên tắc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng khi quyết định hình phạt. Các chủ thể áp dụng pháp luật như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã phát huy được vai trò, nhiệm vụ của mình trong công tác xét xử, đảm bảo cho những quy định của pháp luật được thực thi hiệu quả trong thực tế, điểm hình như:

Vụ án hình sự TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử bị cáo Nguyễn Anh Linh Vũ có 01 tiền án về tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị VKSND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Nội dung: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 09/3/2015 (sau khi đã có sử dụng ma túy), Nguyễn Anh Linh Vũ thực hiện hành vi trộm cắp 01 con Cóc được làm từ chất liệu gỗ đáng hương, kích thước (52 x 42,5 x 31) cm trọng lượng 20,6 kg trị giá 4.000.000 đồng của gia đình chị Đỗ Thị Kim Duyên ở tổ 01, khu phố Phú Hòa I, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Anh Linh Vũ, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Với tính chất, nội dung vụ án như trên tại Bản án số: 20/2015/HSST ngày 22.6.2015 TAND thị xã Bình Long áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 01 Điều 48, điểm p khoản 01, khoản 02 Điều 46 BLHS năm 1999, Xử phạt: Nguyễn Anh Linh Vũ 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 09/3/2015). [40].

Nhận xét: Ngày 09/3/2015 bị cáo Vũ thực hiện hành vi trộm cắp, tài sản trộm cắp là 01 con Cóc được làm từ chất liệu gỗ đáng hương trị giá 4.000.000 đồng. Nhưng trước đó vào ngày 29/8/2014 bị cáo Vũ đã TAND huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 17 ngày tù, về tội: "Gây rối trật tự công cộng", đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cho nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS, tái phạm theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 là đúng với quy định của pháp luật.

Vụ án hình sự TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử bị cáo Tô Minh Hiếu có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”; bị VKSND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999.

Nội dung vụ án: Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 31/3/2015 Tô Minh Hiếu, Nguyễn Ngọc Hậu, Nguyễn Ngọc Huỳnh (anh ruột Hậu) và Lê Thị Thảo (vợ Huỳnh) cùng uống rượu tại quán: “Đăng Linh” thuộc khu phố Phú Xuân, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, trong lúc đang uống rượu Hiếu mượn và lấy xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn đen, biển số kiểm soát: 93E1-111.50 của Huỳnh để chở bạn gái tên là Võ Thị Phương Trâm lên chơi rồi dựng xe vào bãi đậu xe của quán (quán không có sử dụng phiếu giữ xe). Đến khoảng 21 giờ, cùng ngày anh Huỳnh và chị Thảo lấy xe mô tô đi về trước. Sau đó, Trâm cũng đòi về nên Hiếu mượn xe mô tô của Hậu để chở Trâm về. Lúc đi ra bãi xe do đã có uống rượu nên Hiếu lên nhầm xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn đen, biển số kiểm soát là 93N1- 0048 (giống như xe của Huỳnh) là xe của Võ Anh Quân khách uống rượu trong quán. Hiếu cầm chìa khóa xe mô tô của Hậu tra vào ổ khóa công tắc xe này thì khởi động máy chạy được nên Hiếu chở Trâm về nhà. Khoảng 30 phút sau Quân cũng ra về thì phát hiện mất xe mô tô nên báo cho mọi người và chủ quán biết. Do có quen với Hậu nên Quân đi đến hỏi Hậu xem có thấy ai lấy xe của Quân không, Hậu nghi ngờ Hiếu lấy nhầm xe nên bảo Quân chờ chút Hiếu quay lại xem sao. Cùng lúc, Hiếu chạy xe mô tô quay lại quán, Quân nhìn thấy đúng là xe của mình nên cùng một người bạn uống rượu chung tên là Trương Lưu Hiền Đệ đi đến chặn xe lại. Hai bên nói chuyện qua lại về việc Hiếu lấy nhầm xe và do đều đã uống rượu nên cãi nhau lớn tiếng rồi dẫn đến xô xát Quân dùng tay giữ vai Hiếu lại không cho Hiếu đi nên

Hiếu dùng tay hất tay Quân ra rồi chạy vào nhà bếp của quán lấy được một cây dao dài khoảng 20cm bằng kim loại, đầu nhọn cầm ở tay phải chạy đến chỗ Quân đang đứng đâm một nhát trúng vào vùng nách bên trái của Quân rồi Hiếu chạy vào bên trong quán đứng. Đệ đi đến đỡ Quân dìu ra ngoài quán vừa đi Đệ vừa nhìn Hiếu làm Hiếu tức giận tưởng Đệ thách thức mình nên cầm con dao chạy đến đâm một nhát trúng vào lưng bên phải của Đệ. Sau đó Hiếu bỏ chạy ra khỏi quán và vứt bỏ con dao ở bãi cỏ bên lề đường, Quân và Đệ được đưa đi cấp cứu tại Bệnh Viện Đa Khoa thị xã Bình Long rồi chuyển đến Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Bình Dương (BV 512 giường) tiếp tục điều trị. Bị hại Võ Anh Quân và Trương Lưu Hiền Đệ đã làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Tô Minh Hiếu.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 172 và số 174/2015/TgT ngày 12/6/2015 của Trung tâm giám định y khoa - pháp y tỉnh Bình Phước kết luận:

- Võ Anh Quân bị vết thương thấu ngực trái tràn khí, tràn dịch màng phổi trái lượng ít, điều trị nội khoa, hiện tại không dày dính màng phổi; sẹo đường nách sau ngực trái kích thước (2x0,2)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 6%.

-Trương Lưu Hiền Đệ bị vết thương lưng phải tràn khí, tràn máu màng phổi phải đã phẫu thuật dẫn lưu màng phổi; sẹo lưng phải cạnh cột sống phải kích thước (5,5x0,2)cm; sẹo chân ống dẫn lưu đường nách giữa phải kích thước (2x1)cm và (2,5x0,2)cm, hiện tại không di chứng dày dính màng phổi. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của hiện tại là 11% (mười một %).

Cáo trạng số 21/CTr-VKS-HS ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long truy tố Tô Minh Hiếu về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, c khoản 01, khoản 02 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Với tính chất, nội dung vụ án như trên tại Bản án số: 29/2016/HSST ngày 30.6.2016 TAND thị xã Bình Long, áp dụng: Khoản 02 Điều 104, điểm g khoản 01 Điều 48, điểm b, p khoản 01, khoản 02 Điều 46 BLHS. Xử phạt **Tô Minh Hiếu** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 21/01/2016).

Nhận xét: Ngày 31/3/2015 bị cáo Hiếu thực hiện hành vi dùng dao gây thương tích làm tổn hại 6% sức khỏe của anh Võ Anh Quân và tổn hại 11% sức khỏe của anh Lưu Hiền Đệ (cả hai anh Đệ và anh Quân đều có đơn yêu cầu xử lý

TNHS đối với Hiếu). Nhưng trước đó bị cáo Hiếu đã có 01 tiền án ngày 07/6/2013 bị TAND thị xã Bình Long xử phạt 12 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội là tái phạm bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS sự theo điểm g khoản 01 Điều 48 Bộ luật hình sự; còn tình tiết: Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người và Phạm tội nhiều lần đã được áp dụng làm tình tiết định khung tăng nặng TNHS nên TAND thị xã Bình Long không áp dụng là tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999 là đúng với quy định của pháp luật.

Đạt được kết quả nêu trên là do các điều kiện thuận lợi như

Các quy định về áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS được TAND tối cao hướng dẫn tương đối đầy đủ tại Nghị quyết 01/2006/NQ- HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Hàng năm TAND tối cao và TAND tỉnh Bình Phước đều có tổng kết, báo cáo, tập huấn cho Thẩm phán về việc áp dụng thống nhất pháp luật nói chung và các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Đồng thời, trong những năm qua TAND thị xã Bình Long đã tích cực phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là với VKSND thị xã Bình Long đã có nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xét xử, giải quyết các loại án, đặc biệt là án hình sự, tránh oan sai, tránh bỏ lọt tội phạm. Trình độ và năng lực của đội ngũ các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân ngày càng nâng cao, bám sát các quy định của pháp luật về áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS đảm bảo nguyên tắc công bằng, khách quan.

2.2.2.2. Một số sai sót, khó khăn vướng mắc về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Áp dụng tình tiết tăng nặng không đúng

Là việc Tòa án quyết định áp dụng tình tiết tăng nặng không đúng quy định pháp luật dẫn tới việc quyết định hình phạt đối với bị cáo là nặng.

Bản án số: 14/2016/HSST ngày 01.4.2016 của TAND thị xã Bình Long, xét xử bị cáo Phan Văn H, về tội Trộm cắp tài sản, áp dụng điểm c khoản 02 Điều 138, điểm p khoản 01 khoản 02 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo H (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 04/11/2015.

Trong vụ án này bị cáo H có nhân thân xấu đã có 04 tiền án: Ngày 20/9/2006 bị TAND quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt 09 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*; ngày 23/12/2008 bị TAND thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*; ngày 16/7/2010 bị TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù về *Tội trộm cắp tài sản*; ngày 12/03/2013 bị TAND huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản* bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, lần này phạm tội bị cáo phải chịu mức định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 02 Điều 138 Bộ luật hình sự, để xét xử đối với bị cáo với tình tiết tăng nặng định khung là tái phạm nguy hiểm nhưng vẫn áp dụng điểm g khoản 1 điều 48 với tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm là không đúng vì tình tiết tái phạm nguy hiểm đã được áp dụng để xét xử đối với bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 138 thì không được tiếp tục áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, điều này gây bất lợi cho bị cáo H.

- Không áp dụng tình tiết tăng nặng

Bản án số 04/2016/HSST ngày 19/01/2016 của TAND thị xã Bình Long. Xét xử đối với Phùng Hữu Nhật T, sinh năm 1996 và Nguyễn Thành L, sinh năm 1998. Khoảng 10 giờ, 00 phút ngày 09/10/2015 T và L đi trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung, màn hình phẳng 32 inch, model: UA32H4303AK, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Tòa án nhân dân thị xã Bình Long đã áp dụng khoản 1 điều 138, điểm p khoản 1 điều 46 của BLHS năm 1999 để xử phạt Phùng Hữu Nhật T 18 tháng tù và Nguyễn Thành L 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Trong vụ án này Phùng Hữu Nhật T đã có hành vi xúi giục Nguyễn Thành L thực hiện hành vi phạm tội nhưng không áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 để quyết định hình phạt đối với bị cáo T là thiếu sót.

Một số khó khăn, vướng mắc trong áp dụng về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các tình tiết như phạm tội đối với thầy giáo, cô giáo, ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng trong các tội như cố ý gây thương tích, giết người cho đến nay chưa được cấp có thẩm quyền hướng dẫn nên các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn lúng

túng. Ví dụ: Ông bà, cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ, cha mẹ nuôi...thầy, cô giáo có nhiều dạng: dạy ở trường, dạy ở nhà, dạy thêm, dạy văn hoá, dạy thể thao.... Vậy những trường hợp nào là đối tượng thuộc quy định trong BLHS.

Tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng như đánh giá hậu quả phi vật chất thế nào, các hậu quả này có giống nhau trong mọi tội phạm hay không đang là vấn đề gây nhiều tranh cãi. Thực tế thì tái phạm cùng tội (hoặc cùng loại tội) cố ý nguy hiểm hơn tái phạm khác tội (nhiều tội dấu hiệu tiền án, tiền sự cùng tội, cùng loại tội được coi là yếu tố định tội). Thế nhưng khi xét xử cũng không có cơ sở để tăng nặng TNHS trong những trường hợp đó. Vì vậy, có nên tách tái phạm cùng tội (hoặc cùng loại tội) cố ý riêng ra trong các quy định của BLHS với tái phạm khác tội hay không. Một vấn đề khác cũng liên quan đến tái phạm là trường hợp một người đã tái phạm, chưa được xoá án tích, lại phạm tiếp hai tội cố ý cùng lúc (tức là phạm tội này chưa bị xử lý lại phạm tội kia) thì áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm cho cả hai tội hay cho một tội.

Đối với tình tiết Phạm tội có tổ chức: Để xác định mức độ cấu kết, bàn bạc thế nào thì đủ để kết luận là phạm tội có tổ chức cũng rất khó khăn, như thế nào là cấu kết chặt chẽ. Vì đây là tình tiết định khung ở khá nhiều tội nên thông thường các cơ quan tiến hành tố tụng khá thận trọng khi áp dụng tình tiết này, thường chỉ áp dụng đối với trường hợp rất rõ ràng. Việc áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức cũng không được thống nhất. Tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ là tình tiết khó trong việc xác định nội dung. Có quan điểm thì cho rằng, trường hợp hành vi mang tính quyết liệt thì mới được coi là côn đồ. Quan điểm khác cho rằng hành vi mang tính liều lĩnh mới được coi là côn đồ.

Một trường hợp khác là nếu một người vừa xúi giục vừa sử dụng trẻ em (người dưới 16 tuổi) vào buôn bán ma túy thì ngoài áp dụng tình tiết tăng nặng định khung "sử dụng trẻ em vào việc phạm tội" (quy định tại điểm e khoản 2 Điều 194 BLHS) thì có áp dụng thêm tình tiết tăng nặng chung là xúi giục người chưa thành niên phạm tội hay không.

Trường hợp, tình tiết định khung không được áp dụng và tình tiết đó không được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS thì nên có quy định cho phép Tòa án coi đó là tình tiết tăng nặng chung hay không? Ví dụ: A trộm cắp tài sản có giá trị 200

triệu đồng và có hành vi hành hung để tẩu thoát. Trong trường hợp này A phải bị xét xử theo khoản 3 Điều 138 BLHS về tội trộm cắp tài sản. Còn tình tiết tăng nặng hành hung để tẩu thoát có thể được coi là tình tiết tăng nặng chung không?

Trường hợp, khi áp dụng tình tiết tăng nặng định khung là tình tiết này có thể trùng với tình tiết định tội của tội khác. Ví dụ như trường hợp gây rối trật tự công cộng có hành vi hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng, gây tổn hại sức khỏe cho người đó 11%. Người phạm tội có phải chịu TNHS về tội gây rối trật tự công cộng với tình tiết tăng nặng định khung là hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng và tội cố ý gây thương tích hay không. Như vậy, có lợi hay không có lợi cho người phạm tội, hay là đối với trường hợp tình tiết nào đó đã là yếu tố định tội của tội này thì không nên áp dụng là tình tiết tăng nặng của tội khác. Bởi vì, tình tiết đó đã được xét xử thành một tội riêng [21, tr. 20-21].

Trong tội hiếp dâm trẻ em, trường hợp hiếp dâm trẻ em dưới 13 tuổi được coi là tình tiết tăng nặng đặc biệt và được quy định tại khoản 4 Điều 112 BLHS, nhưng mức thấp nhất của khung hình phạt lại thấp hơn ở khoản 3 (khoản 4 là 12 năm, khoản 3 là 20 năm). Vậy nếu người phạm tội hiếp dâm trẻ em dưới 13 tuổi, lại có tình tiết tăng nặng định khung ở khoản 3 thì áp dụng khoản 3 hay khoản 4 để xử phạt đối với người phạm tội). Áp dụng khoản 4 thì không được, bởi vì khoản 4 khung hình phạt nhẹ hơn khoản 3 (tội nhẹ hơn), còn nếu áp dụng khoản 3 thì lấy cơ sở nào để tăng nặng TNHS đối với người phạm tội; Trường hợp tương tự: nếu hiếp dâm người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng có một trong các tình tiết quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 111 BLHS năm 1999 thì áp dụng tình tiết nào để tăng nặng TNHS đối với người phạm tội.

2.2.2.3. Nguyên nhân của những sai sót, khó khăn, vướng mắc trong áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS vào thực tiễn còn gặp nhiều bất cập và hạn chế bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng theo quan điểm của học viên thì có một số nguyên nhân chính sau đây:

Một là, các quy định của BLHS còn bất cập, chưa hợp lý. Qua những phân tích ở các phần trên, chúng ta thấy các quy định trong BLHS phản ánh chưa đầy đủ, chưa đúng bản chất, ý nghĩa pháp lý của các tình tiết làm tăng tính nguy hiểm cho

xã hội của tội phạm. Do đó, dẫn đến việc quy định các tình tiết tăng nặng TNHS còn chưa đầy đủ, chưa thể hiện được hết tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, có những tình tiết lại có thể trùng nhau, để một tình tiết có thể coi là được áp dụng hai lần như phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần. Nhiều tình tiết lại được quy định theo lối tùy nghi dễ đến tùy tiện khi áp dụng. Một số tình tiết có tính phổ biến nhưng lại chưa được quy định rõ trong BLHS như phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất côn đồ. Do đánh giá sai ý nghĩa pháp lý của một số tình tiết tăng nặng đối với từng trường hợp cụ thể nên việc quy định tình tiết tăng nặng định khung ở một số tội chưa hợp lý dẫn đến rất khó khăn cho người áp dụng, hình phạt đối với người phạm tội có thể nhiều trường hợp không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà họ gây ra. Kỹ thuật xây dựng các khung hình phạt tăng nặng trong một số trường hợp còn chưa khoa học dẫn đến khó áp dụng. Ví dụ: quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 111, Điều 112 – BLHS năm 1999 về Tội hiếp dâm và Tội hiếp dâm trẻ em chẳng hạn

Hai là, phần lớn các tình tiết tăng nặng đều chưa được hướng dẫn nhất là các tình tiết tăng nặng định khung. Một số trường hợp trước đây đã được hướng dẫn thì nay BLHS 1999 ra đời không còn phù hợp. Một số tình tiết thì được hướng dẫn lẻ tẻ ở nhiều văn bản khác nhau, thiếu tính hệ thống. Đặc biệt, từ khi BLHS năm 1999 ra đời đến nay, chỉ mới các tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng ở chương các tội xâm phạm sở hữu được hướng dẫn. Bên cạnh đó, việc hướng dẫn của các cơ quan chức năng không phù hợp, không thể hiện đúng bản chất, nội dung của từng tình tiết tăng nặng TNHS cũng là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng không thống nhất trong quá trình áp dụng.

Thứ ba, nguyên nhân cơ bản là trình độ nhận thức và áp dụng pháp luật của những người tiến hành tố tụng còn hạn chế và không đồng đều, dẫn đến việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS vào thực tiễn sẽ khó khăn và không chính xác. Bởi vì các tình tiết tăng nặng không phải quy định để nghiên cứu mà là để áp dụng trên thực tế, việc áp dụng ra sao thuộc thẩm quyền của những người tiến hành tố tụng. Vì vậy, việc trình độ của những người tiến hành tố tụng còn hạn chế, không đồng đều sẽ dẫn đến một tình tiết tăng nặng nào đó sẽ được hiểu không đúng hoặc

hiều theo nhiều cách khác nhau, đặc biệt là giữa các cấp xét xử. Thực tế nhiều vụ án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng tình tiết tăng nặng nhưng cấp phúc thẩm lại cho rằng như vậy là sai, đến cấp giám đốc thẩm lại cho rằng áp dụng như cấp sơ thẩm là đúng.

Nói chung, trình độ của người tiến hành tố tụng (chủ yếu là thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên) là rất quan trọng trong việc áp dụng pháp luật nói chung và tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Bởi lẽ, có những loại tình tiết tăng nặng không thể hướng dẫn được. Những trường hợp đã hướng dẫn thì nội dung cũng không thể rõ ràng hoàn toàn được bởi thực tế tội phạm rất đa dạng, phong phú.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở lý luận về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2009 được học viên trình bày ở chương 1 của luận văn. Tại chương 2 của luận văn học viên đã trình nội dung của các tình tiết (15 tình tiết) tăng nặng TNHS theo quy định của BLHS Việt Nam năm 2015; tiếp theo học viên đã trình bày đôi nét khái quát về TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; liên hệ với thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) tại địa phương thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2017 (trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành). Tại phần liên hệ thực tiễn học viên đã nêu ra một số kết quả đạt được; Một số tồn tại hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế. Nội dung chương 2 của luận văn sẽ là cơ sở để học viên đưa ra một số giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng TNHS ở chương 3 của luận văn.

Chương 3

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TẠI THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

3.1.1. Cần hướng dẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng mà Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chưa hướng dẫn hoặc đã hướng dẫn nhưng chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

Các tình tiết tăng nặng TNHS là một trong những căn cứ để HĐXX quyết định hình phạt. Hiện nay, một số tình tiết tăng nặng TNHS do chưa có hướng dẫn cụ thể nên chưa có cách hiểu thống nhất. Chẳng hạn, trường hợp một người “*đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới...*” có bị coi là tái phạm nguy hiểm không? Vì điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS năm 2015 (điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS năm 1999) chỉ quy định Tái phạm nguy hiểm là: Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

Một số trường hợp là tình tiết tăng nặng định khung cần hướng dẫn theo hướng sau:

- Trường hợp nếu tình tiết đã bị kết án, chưa được xóa án tích được áp dụng là yếu tố định tội (trong một số tội) thì không được áp dụng làm tình tiết tăng nặng (tái phạm, tái phạm nguy hiểm) nữa.

- Trường hợp hiếp dâm người chưa đủ 13 tuổi nhưng có một trong các tình tiết tại khoản 3 Điều 142 BLHS năm 2015 (khoản 3 Điều 112 BLHS năm 1999) thì cần áp dụng khoản 3 Điều 142 BLHS năm 2015 để xét xử.

- Hướng dẫn áp dụng tình tiết “giết nhiều người” và “giết người bằng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm cao” theo hướng: Chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “giết nhiều người” khi người phạm tội cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) gây ra cái chết cho nhiều người và đã có từ hai người chết trở lên nhưng không sử dụng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn phạm tội có tính nguy hiểm cao. Chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng

“giết người bằng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm cao” khi người phạm tội (vì) cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) gây ra cái chết cho một hoặc nhiều người (nên) đã sử dụng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn phạm tội có tính nguy hiểm cao nhưng hành vi đó chưa gây ra hậu quả chết nhiều người.

Phải áp dụng cả hai tình tiết định khung tăng nặng “giết nhiều người” và “giết người bằng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm cao” khi người phạm tội (vì) cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) gây ra cái chết cho nhiều người (nên) đã sử dụng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn phạm tội có tính nguy hiểm cao và việc sử dụng công cụ, phương tiện hoặc phương pháp, thủ đoạn phạm tội đó đã gây ra hậu quả chết nhiều người.

3.1.2. Ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng.

Để tránh việc áp dụng nhầm lẫn giữa trường hợp tình tiết tăng nặng là dấu hiệu định tội, trường hợp nào là dấu hiệu định khung và trường hợp nào áp dụng là tình tiết tăng nặng thì cần có thông tư hướng dẫn. Đối với các tình tiết tăng nặng TNHS không đồng thời là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì chỉ cần Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn là đủ nhưng đối với các tình tiết tăng nặng đồng thời là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt nếu có hướng dẫn của liên ngành thì có giá trị pháp lý cao hơn, nhất là các tình tiết định tội. Khi hướng dẫn áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS đồng thời là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt, Thông tư liên tịch cần quy định Cơ quan điều tra, VKS trong quá trình điều tra, kết luận điều tra, bản cáo trạng cần xác định rõ bị can trong vụ án có các tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015 cùng với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

3.1.3. Cần bổ sung thêm trong tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Xúi giục người có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần phạm tội

Vì trên thực tế trong những năm gần đây có rất nhiều trường hợp người có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần bị lợi dụng lôi kéo vào những nhóm tội phạm có tổ chức để buôn bán ma túy, để cảnh giới việc đánh bạc hoặc bị lợi dụng để trả

thù mục đích cá nhân ... tuy nhiên trong cả hai BLHS Việt Nam gần nhất đều chưa quy định về tình tiết tăng nặng TNHS này, trong đó theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 “*Xúi giục người chưa thành niên phạm tội*”; còn điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 lại quy định “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*”. Ngoài ra cần nghiên cứu ban hành Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân mới để thay thế Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2011), đã không còn phù hợp với Luật Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức TAND năm 2014 và BLTTHS năm 2015 ...

3.2. Tổng kết thực tiễn và hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

3.2.1. Tổ chức tổng kết thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước cần hướng dẫn Tòa án cấp huyện tiến hành tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nói chung, áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng trong xét xử VAHS đối với các tình tiết tăng nặng TNHS định tội tình tiết tăng nặng TNHS định khung và tình tiết tăng nặng TNHS chung, gắn liền với từng loại tội... từng nhóm tội danh theo quy định của BLHS để làm cơ sở cho việc thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh hoặc kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn cụ thể để thống nhất thực hiện.

- Việc tiến hành tổng kết thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS cần được tiến hành theo từng năm hoặc theo giai đoạn hoặc thông qua công tác giám đốc thẩm của Tòa án cấp trên, cũng như thông qua hoạt động xét xử phúc thẩm các bản án hình sự sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị liên quan đến việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS.

- Tổng kết thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS cần phải có văn bản thông báo, đánh giá cụ thể từng đối với từng vụ án, bản án để rút kinh nghiệm trong Tòa án nhân dân tỉnh, là cơ sở để kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành hướng dẫn thống nhất xét xử trong hệ thống Tòa án trong cả nước để tránh áp dụng tùy tiện, khác nhau, không chính xác.

3.2.2. Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Để đảm bảo cho việc áp dụng thống nhất các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của BLHS năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự. Các cơ quan có thẩm quyền cần tăng cường công tác hướng dẫn và giải thích các tình tiết tăng nặng cụ thể như sau:

- Các cơ quan tư pháp như: Bộ Công an, VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ tư pháp, cần ban hành thông tư liên tịch về giải thích và hướng dẫn áp dụng các tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015

- Hội đồng thẩm phán TAND tối cao cần sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn giải thích và áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS để thay thế Nghị quyết 01 ngày 12.5.2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, vì cho đến nay nhiều nội dung hướng dẫn của Nghị quyết này không đáp ứng được yêu cầu của tình hình thực tế.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn pháp luật trên cần tuyên truyền phổ biến sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng mà đặc biệt là việc hướng dẫn áp dụng chi tiết đối với các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong quá trình giải quyết các vụ án cụ thể đảm bảo tính thống nhất khách quan vô tư và chính xác trong quá trình áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trong quá trình điều tra truy tố xét xử các vụ án.

3.3. Nâng cao khả năng, năng lực xét xử hình sự của Thẩm phán, Hội thẩm

3.3.1. Đối với Thẩm phán

Đối với hoạt động của cơ quan Tòa án, chất lượng và hiệu quả của hoạt động áp dụng hình phạt được quyết định bởi đội ngũ Thẩm phán - những người làm công tác xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật cần nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ Thẩm phán.

Một là, Xuất phát từ vai trò, địa vị pháp lý và yêu cầu đối với hoạt động của Thẩm phán. Trong hệ thống các chức danh tư pháp, Thẩm phán là

nhân vật trung tâm, giữ vai trò quan trọng quyết định hiệu quả của việc áp dụng pháp luật đặc biệt là áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS. Vì vậy, trong thời gian tới cần đặc biệt quan tâm phát triển đội ngũ Thẩm phán cả về chất và lượng trên cơ sở không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp có như vậy mới đáp ứng được nhu cầu thực tiễn phát triển của đất nước trong việc đấu tranh, phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay cũng như trong thời gian tới.

Hai là, mở rộng nguồn Thẩm phán và thực hiện chế độ thi tuyển để bổ nhiệm chức danh Thẩm phán. Để thực hiện tốt được nhiệm vụ chính trị được giao thì phải xây dựng được một đội ngũ Thẩm phán phải mang tính chuyên nghiệp, phải có phẩm chất đạo đức tốt, khiến thức xã hội sâu, rộng, bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và đặc biệt phải tinh thông pháp luật; đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý. Để đáp ứng được đòi hỏi đặt ra, cần đẩy mạnh đào tạo nguồn bổ sung cho những nơi thiếu Thẩm phán và thay thế dần những người có trình độ yếu kém trước đây do hoàn cảnh khách quan.

Ba là, hoàn thiện chế độ khen thưởng, kỷ luật đối với Thẩm phán

Khen thưởng và kỷ luật luôn là một trong những biện pháp có vai trò tôn vinh, thúc đẩy, khuyến khích người lao động; uốn nắn chấn chỉnh những sai phạm, thiếu sót. Đối với Tòa án, hoạt động xét xử là một hoạt động đặc thù của hệ thống Tòa án, do đó đội ngũ Thẩm phán - những người làm công tác xét xử cũng có những đặc thù riêng biệt. Việc khen thưởng được thực hiện hàng năm, có thể đột xuất, có thể theo nhiệm kỳ Thẩm phán. Bên cạnh chế độ khen thưởng cũng cần quy định chế độ kỷ luật cụ thể, nghiêm minh, rõ ràng nhằm xử lý những Thẩm phán vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp...

3.3.2. Đối với Hội thẩm nhân dân

Cùng với Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân là thành viên của Hội đồng xét xử các VAHS. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm nhân dân đã được quy định chi tiết trong BLTTHS năm 2015. Bên cạnh Thẩm phán, Hội thẩm nhân

dân cũng là chủ thể của việc áp dụng hình phạt. Trong thời gian qua đội ngũ Hội thẩm nhân dân đã và đang cùng với đội ngũ Thẩm phán đóng góp một phần không nhỏ vào thành tích của hệ thống Tòa án. Tuy có vai trò quan trọng như vậy, nhưng chế định về Hội thẩm nhân dân, chất lượng đội ngũ Hội thẩm nhân dân vẫn chưa tương xứng với vai trò của họ, chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của nhiệm vụ xét xử và áp dụng hình phạt trong điều kiện hoàn cảnh hiện nay. Để tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động áp dụng hình phạt nói chung, áp dụng hình phạt đối với các tội xâm phạm sở hữu nói riêng trong thời gian tới cần có những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ Hội thẩm nhân dân, từ đó góp phần vào việc nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS, chất lượng xét xử. Mặc dù chế định về Hội thẩm nhân dân đã được quy định trong một chương riêng biệt - Chương VIII từ Điều 84 đến Điều 91 Luật tổ chức TAND năm 2014.

Một là, đổi mới quy định tiêu chuẩn tuyển chọn Hội thẩm nhân dân.

Tiêu chuẩn của Hội thẩm nhân dân phải được quy định rõ ràng về tiêu chí trình độ pháp luật và trình độ nghiệp vụ. Tuy chế định Hội thẩm nhân dân đã được đổi mới và đưa vào văn bản có giá trị pháp lý cao đó là Luật tổ chức TAND song tiêu chuẩn về trình độ pháp luật khi tuyển chọn Hội thẩm nhân dân được đưa ra trong Luật vẫn mang nặng tính hình thức. Theo quan điểm của học viên, để đáp ứng với nhu cầu nhiệm vụ hiện nay và tương xứng với vai trò trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân khi thực hiện hoạt động áp dụng hình phạt, tiêu chí về trình độ pháp luật cần quy định cụ thể để được tuyển chọn làm Hội thẩm nhân dân, một người phải có trình độ pháp luật với văn bằng chứng chỉ ít nhất từ trung cấp Luật trở lên hoặc có ít nhất 5 năm làm công tác pháp luật.

Hai là, nâng cao vai trò Hội thẩm nhân dân

Khi xét xử và áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS, Hội thẩm nhân dân giữ vai trò quan trọng ngang quyền với Thẩm phán. Vì vậy, nếu tách riêng việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS với việc giải quyết toàn bộ

một VAHS thì vai trò của Hội thẩm cũng gần tương đương như Thẩm phán. Do đó, chế độ chính sách đối với đội ngũ Hội thẩm nhân dân cũng cần phải được nghiên cứu, thay đổi cho tương xứng với đội ngũ Thẩm phán và tương xứng với vai trò, trách nhiệm của các Hội thẩm nhân dân, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và điều kiện sinh hoạt tại từng thời điểm cụ thể.

3.4. Các giải pháp khác

3.4.1. Nâng cao hoạt động giám đốc kiểm tra để kịp thời giám đốc thẩm những bản án vi phạm nghiêm trọng để rút kinh nghiệm

Hoạt động giám đốc kiểm tra có vai trò rất quan trọng trong việc phát hiện và kiến nghị khắc phục kịp thời những sai sót trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự vào thực tiễn xét xử. Hoạt động giám đốc kiểm tra còn giúp Chánh án nắm rõ tình hình xét xử toàn ngành để kịp thời chỉ đạo công tác xét xử. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy hoạt động của Phòng giám đốc kiểm tra ở các Tòa án chưa đạt hiệu quả, thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn. Do vậy, cần chú trọng bổ sung nhân sự cho Phòng giám đốc kiểm tra, nhất là những Thẩm phán có kinh nghiệm xét xử và những Thẩm tra viên giỏi chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt hoạt động giám đốc kiểm tra, tham mưu cho Chánh án kháng nghị những bản án có sai sót trong việc quyết định hình phạt nói chung và trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của pháp luật.

3.4.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Để những quy định của pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng trong đó có những quy định pháp luật về tình tiết tăng nặng TNHS đi vào cuộc sống thì công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đóng vai trò quan trọng. Giải pháp đặt ra ở đây cần đa dạng hóa các hình thức, biện pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật đi đôi với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tới người dân.

Trước hết phải đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Ngoài việc tuyên truyền pháp luật theo phương thức truyền thống là thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng thì trong thời gian tới cần đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền như tổ chức các chương trình phổ biến pháp luật tới các địa phương. Đặc biệt là các địa phương trung du, miền núi, miền dân tộc ít người; trên

các báo đài cần dùng một thời lượng nhất định, một không gian nhỏ thiết kế thành các mục hỏi đáp pháp luật hay thậm chí có thể tổ chức các cuộc thi về tìm hiểu pháp luật hình sự nói chung, pháp luật về tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng. Càng mở rộng hình thức tuyên truyền và phổ biến pháp luật thì khả năng người dân tiếp cận được các thông tin càng nhiều. Do vậy, nâng cao tính khả thi áp dụng của các quy định pháp luật trong thực tiễn đời sống.

Một hình thức tuyên truyền có thể nói là hiệu quả đó là thông qua chính sự thực hiện pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp luật trên địa bàn từng địa phương. Sự tuân thủ pháp luật, giải đáp pháp luật của những đối tượng này cũng là một hình thức tuyên truyền hữu hiệu cho các quy định pháp luật đi vào cuộc sống của người dân trên địa bàn từng địa phương.

Đi đôi với việc mở rộng các hình thức, biện pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật thì phải đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả tuyên truyền phổ biến pháp luật. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở đây có thể hiểu là nâng cao tần suất thực hiện các công tác tuyên truyền pháp luật. Trường hợp thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng (ở các địa phương chủ yếu là thông qua các phương tiện phát thanh của Ủy ban nhân dân xã) thì cần nâng cao tần suất về lần phát sóng, trước 1 tuần/1 lần phát sóng thì nay có thể phát sóng hàng ngày vào các thời điểm sáng sớm hoặc chiều muộn. Các chương trình tuyên truyền phổ biến pháp luật cho vùng sâu, vùng xa cần tổ chức thường xuyên, đều đặn và quy mô chương trình ngày càng mở rộng và có chiều sâu. Để quy định pháp luật hình sự nói chung, quy định về các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng đi vào cuộc sống thì việc đa dạng hóa cũng như đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật tăng nặng TNHS đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, để thực hiện được điều đó, yếu tố cần là phải hoàn thiện các quy định pháp luật, tạo ra cách hiểu thống nhất trên phạm vi toàn quốc, câu chữ dễ hiểu, dễ áp dụng. Có như vậy quy định pháp luật mới được đánh giá là có tính khả thi.

3.4.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên

Nếu như Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân khi được giao nhiệm vụ xét xử một vụ án cụ thể họ là thành viên hội đồng xét xử - là chủ thể của hoạt động xét xử và áp dụng hình phạt. Bên cạnh đó, Kiểm sát viên khi được phân công thực hành

quyền công tố và kiểm sát xét xử thì họ là những người được giao nhiệm vụ thay mặt Nhà nước thực hành quyền công tố tại phiên tòa. Lời phát biểu luận tội và đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự có ảnh hưởng rất lớn tới việc quyết định hình phạt của Hội đồng xét xử. Trên thực tế, loại hình phạt và mức hình phạt được Tòa án quyết định áp dụng thường nằm trong khoảng đề nghị của Viện kiểm sát. Vì vậy, nâng cao chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên chính là một trong những nguyên nhân góp phần làm cho việc áp dụng hình phạt đối với các tội xâm phạm quyền sở hữu được chính xác.

3.4.4. Nâng cao năng lực hành nghề của đội ngũ Luật sư và trợ giúp viên pháp lý tham gia vụ án hình sự.

Hiện nay, đội ngũ Luật sư ở Việt Nam nói chung, trên địa bàn tỉnh Bình Phước nói riêng (trên địa bàn thị xã Bình Long không có văn phòng luật sư) vừa thiếu về số lượng vừa không đảm bảo về chất lượng. Do đó, về số lượng, trong thời gian tới cần mở rộng quy mô đào tạo Luật sư. Về chất lượng cần phải nâng cao chất lượng đào tạo theo cả về kiến thức chuyên môn cả về kỹ năng nghề nghiệp. Các cơ quan tiến hành tố tụng như Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát - Tòa án nhân dân thị xã Bình Long cần tạo mọi điều kiện cho đội ngũ Luật sư tham gia vào hoạt động bào chữa ngay từ giai đoạn tố giác, tin báo về tội phạm (giai đoạn tiền tố tụng), đề Luật sư và người bào chữa có cơ sở nghiên cứu hồ sơ, nghiên cứu các tình tiết của vụ án ngay từ ban đầu. Qua đó giúp nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS nói riêng, tránh việc Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên áp dụng sai hoặc lạm dụng các tình tiết tăng nặng TNHS để gây bất lợi cho người phạm tội.

Kết luận Chương 3

Từ việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đã được phân tích, đánh giá tại chương 1 và chương 2 của luận văn. Trong chương 3, học viên đã đưa ra một số giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng TNHS, bao gồm: Tổ chức tập huấn BLHS và BLTTHS năm 2015, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, hướng dẫn áp dụng pháp luật, tổng kết thực tiễn áp dụng hình phạt và các giải pháp khác. Những giải pháp trên hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả của hoạt động áp

dụng các tình tiết tăng nặng TNHS trên thực tiễn đối với hệ thống TAND nói chung và TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước nói riêng trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Cải cách tư pháp là quá trình đổi mới căn bản, toàn diện hệ thống Tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử của TAND. Trong đó, chú trọng việc bảo đảm áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS là yếu tố vô cùng quan trọng. Với mục đích đi sâu tìm hiểu thực trạng áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013 - 2017, ở luận văn này, học viên đã nêu và phân tích làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, nội dung của các tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2015.

Với thực trạng áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS tại TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013 - 2017, luận văn đưa ra những giải pháp đảm bảo áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS đúng tại TAND thị xã Bình Long. Các giải pháp này có cơ sở thuyết phục, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Việc thực hiện đầy đủ các giải pháp này sẽ đảm bảo áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS tại TAND thị xã Bình Long, góp phần to lớn trong công tác đấu tranh, phòng chống vi phạm và tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Phước nói chung và địa bàn thị xã Bình Long nói riêng; Luận văn này là tài liệu dùng để tham khảo trong quá trình thực hiện đổi mới về vấn đề áp dụng pháp luật hình sự nói chung và trong vấn đề áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS tại TAND nói riêng, đặc biệt dùng nhằm đảm bảo áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS tại TAND thị xã Bình Long.

Với phạm vi của luận văn cũng như trình độ nhận thức của bản thân, học viên trình bày về cơ sở lý luận, thực trạng áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS tại TAND thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước trong những giới hạn nhất định, chắc chắn luận văn còn có những thiếu sót, hạn chế nên học viên rất mong sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung Luật hình sự (Tập 1)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội - Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 11), tr. 23-27.
6. Lê Cẩm (2002), *Nhân thân người phạm tội - Một số vấn đề lý luận cơ bản (tiếp)*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 01), tr. 30-33.
7. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2004), *Định tội danh: Lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
8. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
9. Hoàng Thanh Dũng (2017), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
10. Đặng Xuân Đào (2000), *Một số nội dung mới của các quy định về các tình tiết giảm nhẹ tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 5), tr. 37- 40.
11. Phạm Hồng Hải (2001), *Một vài ý kiến về chế định tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 12), tr. 34-37.

12. Nguyễn Thị Lệ Hằng (2017), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.

13. Nguyễn Ngọc Hòa & Lê Thị Sơn (1990), *Thuật ngữ Luật hình sự. Trong sách: Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

14. Nguyễn Ngọc Hoà (2004), *Cấu thành tội phạm, Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tư pháp Hà Nội.

15. Phạm Quốc Hưng (2009), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

16. Bùi Văn Lam (2002), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

17. Nguyễn Văn Long (2017), *Tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo pháp luật sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.

18. Ưông Chu Luru (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (Tập I – Phần chung)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

19. Dương Tuyết Miên (2003), *Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự năm 1999*. Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1/2003, tr.19.

20. Dương Tuyết Miên (2003), *Quyết định hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, trường Đại Học Luật Hà Nội, Hà Nội.

21. Lê Văn Minh (1998), *Những tình tiết là yếu tố định khung hình phạt trong Bộ luật hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số7), tr. 15-18.

22. Đặng Thanh Nga (1998), *Hành vi phạm tội từ góc độ tâm lý học*, Tạp chí Luật học, (số 1), tr. 17-20.

23. Nguyễn Nông (2001), *Về tình tiết tái phạm và tái phạm nguy hiểm trong Bộ luật hình sự 1999*, Tạp chí Kiểm sát, (số 4), tr. 33-36.

24. Thủy Sơn Phương (2016), *Các tình tiết tăng nặng theo pháp luật sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
25. Đỗ Ngọc Quang (1995), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Trường Đại học Cảnh sát, Hà Nội.
26. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Phân biệt phạm tội có tổ chức và tội phạm có tổ chức*, Tạp chí Kiểm sát, (số 6), tr. 29-32.
27. Đinh Văn Quế (2000), *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999. Phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
29. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Quốc hội (2016), *Luật Trẻ em*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Trần Văn Sơn (1996), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*. Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
35. Trần Văn Sơn (1997), *Nhân thân người phạm tội – Một căn cứ để quyết định hình phạt*, Tạp chí tòa án nhân dân, (số 6), tr. 12-14.
36. Đặng Thị Tâm (2017), *Các tình tiết tăng nặng theo pháp luật sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
37. Đặng Trung Thành (2014), *Áp dụng pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong xét xử của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
38. Kiều Đình Thụ (1998), *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*. Nxb TP Hồ Chí Minh

39. Phạm Văn Tinh (2001), *Bàn về tái phạm, tái phạm nguy hiểm*, Tạp chí Tòa án, (số 4), tr. 13–14.

40. Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (2013 - 2017), *Báo cáo tổng kết công tác năm*, Bình Long.

41. Tòa án nhân dân tối cao (1959), *Chỉ thị số 772-TATC ngày 10/7/1959 về vấn đề đình chỉ áp dụng luật pháp cũ của đế quốc và phong kiến*.

42. Tòa án nhân dân tối cao (2001), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng Phần chung của Bộ Luật hình năm 1999*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, số 2000/98/040/ĐT, Hà Nội.

43. Tòa án nhân dân tối cao (1976), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

44. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an (2001), *Thông tư hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương “Các tội xâm phạm sở hữu” của Bộ Luật hình sự 1999*, Hà Nội.

45. Trần Mạnh Toàn (2011), *“Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội”*, Luận văn thạc sĩ Luật học, trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

46. Đoàn Minh Tuấn (1995), *Vận dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” như thế nào?*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 3), tr. 41-44.

47. Lưu Đình Tuấn (2016), *Áp dụng các tình tiết tăng nặng sự trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn quận Long Biên, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.

48. Trần Thị Thùy Trang (2015), *Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Việt Nam theo Luật hình sự (Trên cơ sở số liệu thực tiễn tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội.

49. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

50. Đào Trí Úc (2000), *Luật Hình sự Việt Nam (quyển 1) - Những vấn đề chung*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

51. Trần Hữu Ứng (2000), *Về khái niệm phạm tội có tổ chức*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 9), tr. 23-25.

52. Viện ngôn ngữ học (1997), *Từ điển tiếng Việt* - Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học.

53. Trịnh Tiến Việt (2004), *Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự 1999 và một số kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 13), tr. 8–10.

54. Võ Khánh Vinh (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

55. Võ Khánh Vinh (2011), *Quyền con người*, Nxb Khoa học Xã hội.